

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI
GCNĐKDN số 3600661303 do Sở KH & ĐT tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 13/7/2020
Trụ sở chính: 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (84-251) 381.9431 - Fax: (84-251) 382.2014 - Website: www.chatdotdongnai.com



THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với chi tiết cụ thể như sau:

- Thời gian:** 08h00' thứ năm, ngày 20 tháng 5 năm 2021.
- Địa điểm:** Hội trường Khách sạn Đồng Nai, số 57 đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Nội dung Đại hội:** Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ tiến hành xem xét, thông qua các nội dung sau:
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành Công ty;
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020;
 - Tờ trình thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021;
 - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2021;
 - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
 - Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán (HNX/HOSE);
 - Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
 - Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT;
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
- Điều kiện dự họp:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty (hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự họp hợp pháp) theo Danh sách cổ đông chốt ngày 26/4/2021.



5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

5.1. Đối với cá nhân:

- Tham dự trực tiếp: Thư mời họp (nếu có); và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng;
- Tham dự theo ủy quyền: Thư mời họp; Giấy ủy quyền theo mẫu (bản gốc); và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;

5.2. Đối với tổ chức:

- Tham dự trực tiếp: Thư mời họp (nếu có); Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mới nhất; và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đại diện theo pháp luật;
- Tham dự theo ủy quyền: Thư mời họp; Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mới nhất; Giấy ủy quyền theo mẫu (bản gốc); và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;

6. Các tài liệu gửi kèm theo thư mời họp

- Chương trình Đại hội; mẫu xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội;
- Các tài liệu khác của Đại hội: Kính đề nghị Quý cổ đông tải về từ website của Công ty tại địa chỉ: <http://www.chatdotdongnai.com>; Trường hợp không tải được hoặc không nhận được tài liệu, đề nghị Quý cổ đông liên hệ để nhận tài liệu trực tiếp từ Công ty.

7. Đăng ký tham dự Đại hội và Thông tin liên hệ

Để tạo điều kiện chuẩn bị tốt nhất cho Đại hội, đề nghị quý vị cổ đông gửi xác nhận việc tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội theo hình thức gửi thư hoặc thư điện tử trước 16h00 ngày 17/05/2021 về địa chỉ sau:

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Địa chỉ: 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người liên hệ : Ngô Dạ Ngân – Thư ký Công ty

Điện thoại: 0394506789 – Email: ngonganbxqn@gmail.com

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Trân trọng kính mời./.

Biên Hòa, ngày 29 tháng 04 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Dự thảo:

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian tổ chức : 08h00 đến 12h00, Thứ Năm, ngày 20 tháng 05 năm 2021

Địa điểm : Hội trường Khách sạn Đồng Nai, số 57 đường Phạm Văn Thuận,
Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Thời gian	Nội dung
07h30-08h00	Đón tiếp Đại biểu và Kiểm tra tư cách cổ đông
08h00-08h05	Chào cờ, tuyên bố lý do và khai mạc Đại hội
08h05-08h10	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và tính hợp lệ của Đại hội
08h10-08h20	Giới thiệu và thông qua (1) Chương trình Đại hội; (2) Quy chế tổ chức Đại hội; (3) Thành phần Đoàn Chủ tịch; (4) Ban Thư ký Đại hội; (5) Ban kiểm phiếu.
08h20-08h30	Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.
08h30-08h40	Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành Công ty.
08h40-08h45	Nội dung 3: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.
08h45-08h50	Nội dung 4: Tờ trình thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021.
08h50-08h55	Nội dung 5: Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.
08h55-09h05	Nội dung 6: Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2021.
09h05-09h10	Nội dung 7: Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.
09h10-09h15	Nội dung 8: Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán (HNX/HOSE)
09h15-09h20	Nội dung 9: Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
09h20-09h25	Nội dung 10: Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
09h25-09h30	Nội dung 11: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
09h30-09h35	Nội dung 12: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
09h35-09h40	Nội dung 13: Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT.
09h40-09h50	Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT và Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT
09h50-10h20	- Đại hội tiến hành thảo luận;
10h20-10h50	- Hướng dẫn cổ đông tiến hành biểu quyết. - Thu Phiếu biểu quyết, kiểm phiếu. - Nghỉ giải lao.
10h50-11h00	- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung và kết quả bầu cử. - Ra mắt thành viên HĐQT được bầu bổ sung.
11h00-11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ
11h30	Bế mạc Đại hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ

Kính gửi:

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai

1. Xác nhận tham dự Đại hội:

Tên cổ đông/Người ủy quyền:
CMND/Hộ chiếu/GPĐKKD số: cấp ngày tại
Họ và tên Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:
.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu/ủy quyền: cổ phần
(Bằng chữ:)

2. Ủy quyền tham dự Đại hội:

Người được ủy quyền:
CMND/Hộ chiếu/GPĐKKD số: cấp ngày tại
Họ và tên Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức):
.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần
(Bằng chữ:)

3. Hoặc đồng ý ủy quyền cho thành viên HĐQT Công ty có tên sau:

☐ Ông Nguyễn Văn Chi - Chủ tịch HĐQT cổ phần

4. Nội dung ủy quyền:

Người được ủy quyền được đại diện cho Người ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

5. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền

- Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.
- Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc tại giấy ủy quyền này.
- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai./

....., ngày tháng năm 2021

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CỔ ĐÔNG/ NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú: Trường hợp Cổ đông trực tiếp tham dự mà không ủy quyền thì chỉ xác nhận Mục I

Giấy ủy quyền chỉ có hiệu lực trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức ngày 20/05/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD
VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75./TB - DHCĐ

Biên Hòa, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬT
LIỆU XÂY
DỰNG VÀ
CHẤT ĐÓT
ĐỒNG NAI**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY
DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG
NAI
DN:
0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:3600661303, cn=CÔNG
TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY
DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG
NAI, st=Đồng Nai, c=VN
Date: 2021.04.29 09:22:57
+07'00'

THÔNG BÁO

**V/v: Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai**

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai thông báo tới toàn thể cổ đông về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT như sau:

I. Tiêu chuẩn và điều kiện để đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác.
 - Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Điều kiện được đề cử và ứng cử thành viên HĐQT như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 50% đến 60% được quyền đề cử 04 ứng viên và nắm giữ từ 60% trở lên được quyền đề cử 05 ứng viên.

II. Hướng dẫn gửi Hồ sơ ứng cử/đề cử:

Hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai gồm có:



- Đơn ứng cử (Mẫu số 01/HĐQT)
- Đơn đề cử (Mẫu số 02/HĐQT)
- Đơn đề cử của nhóm cổ đông (Mẫu số 03/HĐQT)
- Bản khai sơ yếu lý lịch (Mẫu số 04/HĐQT)
- Bản sao chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.

Quý cổ đông lưu ý: Người được đề cử, tự ứng cử tham gia vào thành viên Hội đồng quản trị phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông của Công ty về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề cử, tự ứng cử của mình. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị chỉ được diễn ra sau khi Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội.

Do vậy, Hội đồng quản trị kính đề nghị Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi văn bản ứng cử/đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai về Công ty trước 16h30 ngày 17/5/2021 để hoàn thiện thủ tục theo quy định. Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý cổ đông có thể truy cập Website của Công ty theo địa chỉ **www: chatdotdongnai.com** hoặc vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai

Số 255B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Người liên hệ: Ngô Dạ Ngân – Thư ký Công ty.

Điện thoại: 0394.50.6789

Email: ngonganbxqn@gmail.com

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban GD, TBKS (để biết);
- Lưu Văn thư;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Chi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

ĐƠN ỨNG CỬ

THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Kính gửi : BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tôi/Chúng tôi là:

CMND/CCCD/ Hộ chiếu số: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (*Bằng chữ*:)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (*đồng*):

Thời gian nắm giữ cổ phiếu BMF liên tục đến ngày 26/4/2021:

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai và Luật Doanh nghiệp năm 2020, tôi thấy mình có đủ điều kiện ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cho tôi được ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Nếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của Người ứng cử theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xin lưu ý: Đơn này phải được gửi đến Ban tổ chức đại hội trước 16h30 ngày **17/05/2021** theo địa chỉ: Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, 255B, đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tôi/Chúng tôi là (tổ chức/cá nhân):

ĐKKD/CMND/CCCD số: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (*Bằng chữ:*

Tương ứng với tổng mệnh giá là (*đồng*):

Thời gian nắm giữ cổ phiếu BMF liên tục đến ngày 26/4/2021:

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai và Luật Doanh nghiệp năm 2020, Tôi/ Tổ chức chúng tôi có đủ điều kiện đề cử ứng viên làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cho tôi/tổ chức chúng tôi được đề cử ứng viên tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai. Cụ thể như sau:

Ông (Bà):

CMND số: Ngày cấp:/...../.....

Địa chỉ:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (*Bằng chữ:*)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:

Tôi/tổ chức chúng tôi xin gửi kèm Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Xin lưu ý: Đơn này phải được gửi đến Ban tổ chức đại hội trước 16h30 ngày **17/05/2021** theo địa chỉ: Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, 255B, đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM

ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Vào hồi.....h....., ngày...../...../2021, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai cùng nhau nắm giữ..... cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Thời gian sở hữu từ	Xác nhận của cổ đông
1.						
2.						
3.						

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai và Luật Doanh nghiệp năm 2020, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cụ thể như sau:

1. Ông (Bà):

- CMND/Hộ chiếu số:Ngày cấp:
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
- Hiện đang sở hữu: cổ phần, tương đương vốn Điều lệ DBFC
- Tương ứng với tổng mệnh giá là: đồng

Đề nghị Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty ghi nhận danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của nhóm cổ đông nêu trên. Chúng tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên theo Biên bản này.

Biên bản này gồm ...trang, được lập xong hồih....., ngày .../.../2021 tại, được đọc lại cho nhóm cổ đông cùng nghe, cùng thống nhất và cùng ký tên dưới đây.

Đại diện cổ đông

Xin lưu ý: Biên bản này phải được gửi đến Ban tổ chức đại hội trước 16h30 ngày **17/5/2021** theo địa chỉ: Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, 255B, đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Ảnh 4x6

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

- 1) Họ và tên: Giới tính: Nam/Nữ
- 2) Ngày, tháng, năm sinh:
- 3) Nơi sinh:
- 4) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Cấp ngày: ... / ... /
Nơi cấp:
- 5) Quốc tịch: Dân tộc:
- 6) Địa chỉ thường trú:
- 7) Chỗ ở hiện tại:
- 8) Số điện thoại liên lạc: Email:
- 9) Trình độ học vấn:
- 10) Trình độ chuyên môn:
- 11) Chức vụ hiện nay tại Công ty (nếu có):
- 12) Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
.....
.....
- 13) Số CP nắm giữ:, chiếm% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

Tên pháp nhân	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp được đại diện

+ Cá nhân sở hữu:

- 14) Các cam kết nắm giữ (nếu có):
- 15) Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp

- 16) Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc

17) Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty (nếu có)	Mối quan hệ

(Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019)

18) Lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có):

19) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cung cấp thông tin này được lập để hoàn thiện hồ sơ ứng cử vào vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định. Trong trường hợp trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định có liên quan của Công ty và pháp luật trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

..., ngàytháng năm 2021

Công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biên Hòa, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (Công ty).

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 26/4/2021 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

- a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu;
 - Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội);
 - Thông báo mời họp (nếu có).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến

- dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (ghi mã cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Giá trị của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử mà cổ đông đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc được ủy quyền theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- b. Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
 - c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
 - d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
 - e. Cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
 - f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
 - g. Cổ đông đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết, bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết, bầu cử đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

- 5.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) là Chủ tọa cuộc họp.
- 5.2. Đoàn Chủ tịch được bầu ra tại Đại hội, có nhiệm vụ:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
 - c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự ĐHĐCĐ do Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ của cổ đông đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời

điểm ngày 26/4/2021; Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

- 7.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 7.2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 8.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
 - b. Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;
 - c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung;
 - d. Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 26/4/2021.

Điều 10: Trật tự của Đại hội

- 10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- 10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.
- 10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- 10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11: Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT và PHIẾU BẦU CỬ theo số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT, 01 PHIẾU BIỂU QUYẾT và 01 PHIẾU BẦU CỬ trong đó ghi: Mã Cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.

11.1. THẺ BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu trắng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- a. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- b. Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch Đại hội;
- c. Thông qua thành phần Ban Thư ký Đại hội và Ban Kiểm phiếu;
- d. Thông qua Chương trình nghị sự;
- e. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT;
- f. Thông qua Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT;
- g. Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT;
- h. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- i. Thông qua các vấn đề khác (nếu có).

11.2. PHIẾU BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu vàng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- a. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021;
- b. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành Công ty ;
- c. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
- d. Thông qua Tờ trình thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021.
- e. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- f. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2021;
- g. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- h. Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán (HNX/HOSE);
- i. Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- j. Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- k. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- l. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- m. Thông qua các vấn đề khác (nếu có).

11.3. PHIẾU BẦU CỬ: được in trên giấy **màu xanh**, dùng để biểu quyết Bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông biểu quyết một vấn đề bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT, tích vào PHIẾU BIỂU QUYẾT để biểu quyết theo các nội dung sau: Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; hoặc ghi số quyền biểu quyết vào PHIẾU BẦU CỬ.

Điều 12: Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

Các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 13.1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 13.2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chát đốt Đồng Nai.

Điều 14: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DỰ THẢO

Biên Hòa, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ BẦU CỬ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (Công ty).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) theo các nội dung sau đây:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này bao gồm những quy định về bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 3: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu và người được uỷ quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 26/04/2021.

Điều 4: Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị

- 4.1. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung là nhiệm kỳ có thời hạn 2021 – 2023.
- 4.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 50% đến 60% được quyền đề cử 04 ứng viên và nắm giữ từ 60% trở lên được quyền đề cử 05 ứng viên.

Điều 5: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- 5.1. Danh sách ứng cử viên vào HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- 5.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:
 - Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo Mã cổ đông;
 - Cổ đông được phát phiếu bầu theo Mã cổ đông (sở hữu và/hoặc được ủy quyền);
 - Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
 - Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.
- 5.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:
 - Phiếu không theo Mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
 - Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm quyền sở hữu và/hoặc được ủy quyền).
 - Phiếu bầu cử không còn nguyên vẹn.

Điều 6: Phương thức bầu cử và nguyên tắc bầu dồn phiếu

- 6.1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
- 6.2. Quyền biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu, hoặc được ủy quyền của cổ đông. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.
- 6.3. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được sử dụng một (01) Phiếu bầu thành viên HĐQT tương ứng với số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền.
- 6.4. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân

với số lượng thành viên được bầu của HĐQT:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền biểu quyết}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết}} \times \boxed{\text{Số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị}}$$

- 6.5. Cổ đông có thể dồn toàn bộ tổng số quyền biểu quyết cho một (01) ứng cử viên, hoặc chia đều tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng cử viên, hoặc chỉ lấy một phần trong tổng số quyền biểu quyết để bầu cho một số ứng cử viên theo mức độ tín nhiệm, hoặc không bầu (bỏ phiếu trắng) với điều kiện tổng số quyền biểu quyết không vượt quá tổng số quyền biểu quyết cổ đông đó sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Điều 7: Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - + Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu.
 - + Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội.
 - + Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung.
 - + Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị

- 8.1. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo tỷ lệ phần trăm phiếu bầu trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) tính từ cao xuống thấp.
- 8.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ lựa chọn người nào sở hữu/đại diện sở hữu nhiều cổ phần Công ty hơn tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 26/4/2021.
- 8.3. Trường hợp kết quả bầu cử không đủ số lượng thành viên HĐQT đã được Đại hội

thông qua thì sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những người đề cử hoặc ứng cử không trúng cử đợt 1 còn lại. Trường hợp vẫn không bầu đủ số lượng thành viên HĐQT thì việc bầu cử tiếp theo sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 9: Lập và công bố Biên bản Kiểm phiếu

- 9.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính như sau: Ban Kiểm phiếu; Danh sách đề cử; Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Kết quả kiểm phiếu và Danh sách trúng cử.
- 9.2. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 11: Quy định khác

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 11 (mười một) Điều, được đọc công khai tại ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Dự thảo:

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai (“Công ty”); Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Thay mặt cho Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020; định hướng kế hoạch hoạt động năm 2021, cụ thể như sau:

I. Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị Công ty

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên với các chức danh như sau:

1. Ông Nguyễn Văn Chi : Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Võ Trường Sơn : Phó Chủ tịch
3. Ông Phạm Văn Nam : Thành viên
4. Bà Nguyễn Thanh Hoa : Thành viên
5. Ông Lê Minh Khuê : Thành viên

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020

1. Về việc thực hiện kế hoạch kinh doanh

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.003,693	1.031,815	102,80%
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	75,948	90,721	119,45%

3	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	11,481	21,679	188,83%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,185	17,212	187,39%
5	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	7,607	11,691	153,69%
6	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	0	0	100%

Năm 2020 là một năm chịu những ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19 đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và lĩnh vực kinh doanh, phân phối xăng dầu nói riêng; giá dầu thế giới biến động tăng/giảm với biên độ lớn. Đứng trước những khó khăn trên, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành mở rộng thị trường kinh doanh, chú trọng và đầu tư vào quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng làm nền tảng để ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn. Nhìn lại kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 cho thấy tính hiệu quả của quá trình định hướng và chủ trương kinh doanh của HĐQT dành cho Ban điều hành: Tổng doanh thu, tổng sản lượng và lợi nhuận trước vào sau thuế đều vượt kế hoạch đặt ra.

2. Về việc phân phối các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020

2.1. Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2020

Căn cứ vào quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 188/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020, các quỹ lợi nhuận sau thuế trong năm 2020 được phân phối như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2020	:	17.211.860.700 đồng
Quỹ khen thưởng BQL điều hành sẽ được trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 (4%)	:	688.474.428 đồng
Lợi nhuận năm trước chuyển qua	:	39.904.862.180 đồng
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	:	56.428.248.452 đồng

2.2. Về việc chi trả cổ tức năm 2020

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 188/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020, Công ty không tiến hành chi trả cổ tức năm 2020.

III. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Trong năm qua hoạt động của Hội đồng quản trị đã đạt được kết quả tốt, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã luôn bám sát tình hình thực tế, luôn có sự đồng thuận cao của Hội đồng quản trị, công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được tăng cường. Các vấn đề Công ty trình duyệt đều được

Hội đồng quản trị quyết định kịp thời, đáp ứng hoạt động của Công ty.

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã luôn bám sát tình hình thực tế đơn vị, tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty đã có 07 cuộc họp với các nội dung chính như sau:

STT	Cuộc họp	Ngày	Nội dung chính cuộc họp
1	Cuộc họp lần thứ nhất	20/01/2020	1. Bãi nhiệm chức vụ kế toán trưởng; 2. Bổ nhiệm chức vụ Phụ trách kế toán Công ty.
2	Cuộc họp lần 2	21/05/2020	1. Thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; 2. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. 3. Thông qua các báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
3	Cuộc họp lần 3	29/05/2020	1. Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai; 2. Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.
4	Cuộc họp lần 4	29/06/2020	Hội đồng quản trị thống nhất phân chia thù lao cho từng chức danh của các thành viên HĐQT và BKS năm 2020.
5	Cuộc họp lần 5	29/07/2020	1. Thông qua việc bổ sung chức danh Phó giám đốc phụ trách Công ty. 2. Thông qua ủy quyền cho người đại diện theo pháp luật đàm phán, ký kết các hợp đồng mua, bán, vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% giá trị tài sản được ghi

STT	Cuộc họp	Ngày	Nội dung chính cuộc họp
			trong báo cáo tài chính gần nhất. 3. Thông qua việc giao cho Chủ tịch HĐQT và ban hành các văn bản quản trị nội bộ, phù hợp với pháp luật hiện hành, ngoại trừ Quy chế quản trị Công ty. 4. Thông qua việc giao cho Chủ tịch HĐQT quyết định thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong HĐQT ngoại trừ chức danh Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc phụ trách Công ty. 5. Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty 6. Bỏ nhiệm Phó Giám đốc phụ trách Công ty.
6	Cuộc họp lần 6	18/09/2020	1. Miễn nhiệm Người phụ trách kế toán; 2. Bỏ nhiệm Kế toán trưởng.
7	Cuộc họp lần 7	30/09/2020	Thông qua việc tham gia mua phần vốn góp Công ty TNHH thực phẩm Rạng Đông của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đồng Nai.

Ngày 01/12/2020, công ty nhận được đơn xin từ nhiệm và thôi việc của ông Nguyễn Võ Trường Sơn – thành viên HĐQT Công ty. Do đó, HĐQT trình ĐHĐCĐ xem xét về việc xin miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế tại tờ trình đính kèm tài liệu tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

IV. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020

Tổng số tiền thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020 là 1.218.000.000đ đồng.

V. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công việc quản lý, điều hành của Ban điều hành. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ và cuộc họp khác của Ban điều hành, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua điện thoại, thư điện tử cũng như các phương tiện thông tin khác về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh,

việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ và mục tiêu của ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm 2020.

Công tác giám sát Ban điều hành và quản trị rủi ro nói chung và việc tuân thủ các thông báo về phòng chống bệnh dịch Covid – 19 của công ty trong năm 2020 được triển khai có hệ thống chặt chẽ, luôn trong tình trạng cảnh giác cao độ. Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

HĐQT trực tiếp làm việc và trao đổi trực tiếp với Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến việc triển khai hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty.

Kết quả giám sát HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc và các cán bộ khác trong Công ty đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty như: BHXH, BHYT, BHTN,...

VI. KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2021

1. Về kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty và Nghị quyết HĐQT số 46B/2021/NQ-HĐQTCĐ ngày 06/4/2021, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh với các chỉ tiêu chính như sau:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.806,79
2	Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	205,556
3	Gas chất đốt	Tấn	500
4	Dầu nhờn	Lít	465,000
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,987
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	24,789
7	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	0

Trong quá trình triển khai tùy thuộc vào điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn, HĐQT sẽ chỉ đạo Ban Giám đốc tính toán và điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021

Năm 2021, HĐQT sẽ đẩy mạnh công tác chỉ đạo tập trung một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;
- Chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 theo quy định; xây dựng định hướng, chủ trương để thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021;
- Sát sao và kịp thời trong công tác giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao;
- Chỉ đạo Ban điều hành củng cố lại bộ máy tổ chức, chú trọng đào tạo, nâng cao kỹ năng, kiến thức ngành nghề đối với nhân sự, chuyên nghiệp trong tác phong làm việc; phong cách phục vụ khách hàng;
- Chỉ đạo chủ trương mở rộng mạng lưới kinh doanh và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBNV trong Công ty.

Kính thưa toàn thể Đại hội!

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2020, định hướng kế hoạch hoạt động năm 2021. Kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý cổ đông.

Kính chúc các Quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban giám đốc;
- Lưu: HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chi

Dư thảo:

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai (“Công ty”), tôi xin báo cáo Đại hội kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành Công ty như sau:

I. Tình hình chung

Trong thời gian gần đây, thị trường xăng dầu cạnh tranh ngày càng gay gắt, số lượng thương nhân phân phối, thương nhân đầu mối ngày một gia tăng, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh dưới hình thức bán xăng dầu kém chất lượng ngày càng tinh vi, phức tạp.

Đại dịch Covid – 19 bùng phát trong năm 2020 đã làm cho nhu cầu tiêu thụ xăng dầu suy giảm mạnh khiến các đơn vị phân phối xăng dầu, cửa hàng bán lẻ gặp nhiều khó khăn.

Năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động của nhiều yếu tố không thuận lợi như giá xăng dầu thế giới tiếp tục diễn biến tương đối phức tạp dẫn đến chiết khấu được hưởng khó dự đoán và không tương đồng.

II. Kết quả hoạt động kinh doanh 2020

Sản lượng bán ra đối với mặt hàng xăng, dầu toàn công ty đạt được trong năm 2020 là **90.721.745 lít**.

1. Đánh giá về tình hình kinh doanh 2020

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2020 TOÀN CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện KH năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.003,693	1.031,815	102,80%
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	75,948	90,721	119,45%
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	11,481	21,679	188,83%

4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,185	17,212	187,39%
5	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	7,607	11,691	153,69%
6	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	0	0	100%

Tổng doanh thu năm 2020 đạt 102,8% tăng 2,8% với kế hoạch đặt ra.

Tổng sản lượng trong năm 2020 đạt 119,45% tăng 19,45% so với kế hoạch đặt ra, tăng 14,773 triệu lít xăng dầu các loại. Nguyên nhân chủ yếu do mở rộng thị trường, xây dựng phương hướng và quyết liệt thực hiện kế hoạch phát triển kinh doanh đối với lĩnh vực thương mại, chú trọng vào nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng.

+ Đối với lĩnh vực bán lẻ: Sản lượng bán ra so kế hoạch năm 2020 đạt 98%, giảm 02% so với kế hoạch đề ra do ảnh hưởng của dịch Covid -19 làm giảm nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu của các phương tiện.

+ Đối với lĩnh vực bán đại lý: đạt 85% giảm 15% so với kế hoạch năm 2020. Nguyên nhân do tình hình đại dịch Covid 19 đã gây ảnh hưởng trực tiếp và làm giảm nhu cầu của các phương tiện đối với lĩnh vực bán lẻ, bán buôn tại các đại lý. Trong năm 2020, Công ty đã xây dựng, chuẩn hóa và đàm phán ký kết mẫu hợp đồng đại lý mới với những điều khoản đầy đủ và chặt chẽ về quyền và nghĩa vụ của bên giao đại lý và bên đại lý. Bên cạnh đó các Ban điều hành triển khai các chính sách hỗ trợ như đầu tư đồng bộ hóa cơ sở vật chất (bảng hiệu, biển chỉ dẫn, biển vẫy,...) tại các cửa hàng bán lẻ của đại lý đã nhanh chóng có hiệu quả về quảng bá thương hiệu, hình ảnh công ty đối với đại lý và người tiêu dùng, làm tăng tính gắn bó đối giữa Công ty và đại lý.

Bên cạnh đó, năm 2020 Ban điều hành chú trọng công tác hoàn thiện quy trình và bộ máy chăm sóc khách hàng để đảm bảo chất lượng kinh doanh thống suốt, đảm bảo thông tin khách hàng, chất lượng phục vụ được phản hồi nhanh chóng và chính xác. Làm căn cứ để Ban điều hành kịp thời điều chỉnh quy trình vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững.

Lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 21,679 tỷ đồng đạt 188,83%, vượt 88,83% so với kế hoạch đề ra.

Về công tác quản lý chi phí: Thực hiện chủ trương kiểm soát chi phí, đồng thời để nâng cao hiệu quả kinh doanh, Chủ tịch HĐQT đã chỉ đạo ban điều hành triển khai các biện pháp nhằm thực hiện quản lý chi phí chặt chẽ, lập kế hoạch chi phí đến từng cửa hàng, bộ phận. Các đơn vị thực hiện chi phí theo kế hoạch, do đó Công ty vẫn giữ được chi phí ở mức hợp lý mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

2. Về công tác tổ chức

Trong năm 2020, Công ty có sự thay đổi, bổ sung về nhân sự như sau:

- Bãi nhiệm 01 kế toán trưởng và bổ nhiệm 01 Người phụ trách kế toán;
- Miễn nhiệm 01 Người phụ trách kế toán và bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng;
- Miễn nhiệm 01 Giám đốc và bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc phụ trách;
- Các chế độ, chính sách cho người lao động Công ty đều thực hiện đúng quy định, thu nhập đảm bảo mức sống ổn định của người lao động.

3. Về công tác kỹ thuật và xây dựng cơ bản

3.1. Các công trình đã hoàn thành trong năm 2020

- Xây dựng tường rào và sửa chữa nhà để xe tại cửa hàng xăng dầu An Bình;
- Thi công cải tạo cửa hàng xăng dầu Long Phước;
- Đầu tư bộ lắp đặt trụ bơm và hệ thống thiết bị que đo bồn tại các cửa hàng xăng dầu An Bình, Tân Biên, Số 2;
- Trang bị, đầu tư đồng bộ bảng hiệu cho các cửa hàng trực thuộc các đại lý.
- Lắp đặt bồn chứa xăng dầu cho khách hàng bán buôn, khách hàng công nghiệp.

3.2. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

STT	Hạng mục đầu tư	Giá trị đầu tư (đồng)
1	Đầu tư hạ tầng, xây dựng cơ bản, sửa chữa nâng cấp các hạng mục tại các đơn vị cửa hàng và văn phòng Công ty.	343,841,985
2	Sửa chữa, đầu tư thiết bị, phần mềm quản lý phục vụ vận hành tại các cửa hàng trực thuộc.	1,080,970,000
3	Trang bị, đầu tư biển đồng bộ bảng hiệu cho hệ thống đại lý, trang bị bồn chứa cho khách hàng bán buôn	481,195,000
Tổng giá trị đầu tư		1,906,006,985

III. Phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban điều hành.

1. Đánh giá chung

Căn cứ vào tình hình sản lượng đạt được trong năm 2020 tăng 30,72% so với cùng kỳ năm 2019.

Căn cứ vào nguồn nhân lực của toàn công ty hiện tại, đặc biệt là phòng kinh doanh với số lượng cán bộ nhân viên và kinh nghiệm triển khai công việc đã được đào tạo liên tục trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, thực tế cho thấy tình hình dịch bệnh Covid -19 trong năm 2020 và đầu năm 2021 diễn biến vô cùng phức tạp, các quyết định, chỉ thị từ chính phủ, UBND các tỉnh thành đưa ra như lệnh cách ly, hạn chế phương tiện vận tải lưu thông đã khiến cho các doanh nghiệp vận tải đầu năm gặp không ít khó khăn dẫn đến lượng tiêu thụ nhiên liệu giảm đáng kể.

2. Mục đích thực hiện

Hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị phải được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, của Công ty.

Hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực của tình hình khách quan đến lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

Tiếp tục phát huy những lợi thế đã có và tập trung hướng tới mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động tại các khu vực Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, tăng trưởng khách hàng và sản lượng, chuyên nghiệp hóa quá trình cung ứng sản phẩm và chăm sóc khách hàng, nâng cao uy tín và vị thế của doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành nghề.

Chú trọng ổn định hoạt động và phát triển tại các cửa hàng trực thuộc, tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện nhiệm vụ. Quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch 2021.

Đầu tư cơ sở vật chất cho các đơn vị cửa hàng theo mục tiêu phù hợp, phục vụ hiệu quả cho từng đơn vị theo tình hình thực tế.

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Năm 2021, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch theo với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2021
I.	Sản lượng		
1	Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	205,556
2	Gas chất đốt	Tấn	500
3	Dầu nhờn	Lít	465,000
II.	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.806,79

2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,987
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	24,789
4	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	0

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Công ty dự kiến thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2021 như sau:

- Xây mới, mở rộng, nâng cấp thành trạm dừng chân tại cửa hàng xăng dầu Long Phước.
- Sửa chữa, cải tạo tòa nhà văn phòng;
- Sửa chữa cải tạo sân nền cửa hàng xăng dầu Phú Bình;
- Sửa chữa cải tạo cửa hàng xăng dầu Tân Biên;
- Lắp đặt bồn trụ cho khách hàng mới, trang bị bảng hiệu cho đại lý mới;
- Cải tạo cơ sở vật chất, nhận diện thương hiệu mới, mặt bằng các cửa hàng;
- Trang bị vật tư trang thiết bị, thay thế, bảo trì bảo dưỡng hệ thống các cửa hàng.

5. Giải pháp thực hiện

5.1. Công tác quản lý, điều hành

- Tiếp tục chú trọng công tác tuyển dụng bổ sung nhân sự có chất lượng đảm bảo yêu cầu công việc.
- Chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo CBNV nòng cốt để góp phần thúc đẩy Công ty phát triển.
- Tăng cường chất lượng quản lý thông qua đầu tư công cụ, thiết bị, phần mềm hỗ trợ vận hành và quản lý; đầu tư và phát triển hệ thống phần mềm quản trị công tác kinh doanh.
- Theo dõi chặt chẽ tình hình biến động của thị trường từ đó có những quyết định hợp lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty cũng như cổ đông Công ty.
- Giám sát công tác kiểm tra phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự nhằm tạo môi trường kinh doanh an toàn, văn minh.
- Sử dụng vốn lưu động hiệu quả nhằm giảm chi phí tài chính, gia tăng lợi nhuận.

5.2. Công tác kinh doanh

- Thực hiện chiến lược phát triển bền vững, thông qua các mục tiêu cụ thể như sau:
 - + Tập trung phát triển các mặt hàng mũi nhọn: Xăng, dầu, gas, nhớt;
 - + Đối với lĩnh vực kinh doanh bán lẻ và đại lý: mở rộng hệ thống cửa hàng trực thuộc và các đại lý trên nhiều địa bàn khác nhau;
 - + Triển khai lộ trình, kế hoạch mở rộng kinh doanh: dự kiến thiết lập 01 văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh để thuận tiện giao dịch và khai phá thị trường.
 - + Đảm bảo số lượng và chất lượng nguồn nhân lực bằng việc đào tạo NVKD các kỹ năng cần thiết để phát triển thị trường;
 - + Tăng cường công tác Marketing, giữ vững các khách hàng truyền thống và tìm kiếm nguồn khách hàng mới;
 - + Tăng cường chất lượng dịch vụ bán hàng để giữ vững thương hiệu;
 - + Theo dõi sát, nắm bắt kịp thời tình hình biến động giá cả xăng dầu để điều hành dự trữ hàng hóa hợp lý, cơ hội tăng thêm lợi nhuận;
 - + Phối hợp chặt chẽ với nhà cung cấp, thường xuyên kiểm tra để đảm bảo số lượng, chất lượng bán cho khách hàng;
 - + Tích cực tìm kiếm những thương nhân đầu mối có giá cả cạnh tranh và đảm bảo chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật về từng ngành hàng.
 - + Đầu tư cơ sở vật chất; xây dựng cơ bản: đầu tư, sửa chữa lại toàn bộ các cửa hàng đảm bảo khang trang, phù hợp với mỹ quan để nhận diện thương hiệu thu hút khách hàng.

5.3. Công tác tổ chức

- Đảm bảo số lượng và chất lượng nguồn nhân lực bằng việc đào tạo NVKD các kỹ năng cần thiết để phát triển thị trường bằng những giáo trình, tài liệu cụ thể như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bán hàng, kỹ năng chốt khách hàng. Hướng tới và định hình phong cách bán hàng công nghiệp, tạo được “thương hiệu bán hàng”.
- Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, đào tạo cán bộ nguồn;
- Bổ sung nhân lực phụ trách Marketing để hỗ trợ mục tiêu phát triển khách hàng mới;

- Cập nhật kịp thời và hoàn thiện chính sách lương, cơ cấu nhân sự, phân công ca kíp hợp lý đảm bảo sức khỏe cho người lao động tái sản xuất;

- Đảm bảo thu nhập của người lao động tương xứng với kết quả lao động giúp người lao động yên tâm công tác trong môi trường làm việc công bằng và có tính cạnh tranh.

Với kết quả đã đạt được năm 2020, đã chỉ ra đặc điểm của thị trường cung ứng xăng dầu và nội bộ doanh nghiệp, những ưu và nhược điểm trong quá trình điều hành để rút kinh nghiệm và phát huy năng lực. Với những kết quả đã đạt được trong năm 2020 và những thách thức, cơ hội trong năm 2021, bằng sự quyết liệt và nỗ lực trong quá trình điều hành Công ty, Ban điều hành sẽ chỉ đạo CBNV hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch đã đề ra trong năm 2021.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT; BKS
- Ban điều hành;
- Lưu HĐQT, TCHC.

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Chi

Dur thảo:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2020	KẾ HOẠCH 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,031,815,235,041	2,806,792,117,055
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,031,804,903,401	2,806,792,117,055
3	Giá vốn hàng hóa	977,769,245,399	2,736,442,260,305
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54,035,658,002	70,349,856,750
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21,732,452,504	31,107,177,598
6	Lợi nhuận khác	(52,608,297)	(120,000,000)
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21,679,844,207	30,987,177,598
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	17,211,860,700	24,789,742,078

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN VĂN CHI

Số:/TTTr/2021/DBFC

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2021

Dự thảo:

**TỜ TRÌNH
THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ vào Quy chế quản trị công ty của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai cho năm tài chính từ ngày 01/01/2020 kết thúc ngày 31/12/2020, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 tại tệp đính kèm./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Chi

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ
CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

Số: 08/CV-CĐĐN

Vv: Giải trình ý kiến kiểm toán
ngoại trừ BCTC năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬT LIỆU
XÂY DỰNG VÀ
CHẤT ĐÓT
ĐỒNG NAI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT
ĐÓT ĐỒNG NAI
DN:
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:360
0561303, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT
ĐỒNG NAI st=Đồng Nai, c=VN
Date: 2021.03.10 19:19:15 +0700

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ vào Thông tư 155/2015/TT-BTC “*Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*”;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam ký ngày 09 tháng 03 năm 2021;

Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Và Chất Đốt Đồng Nai (mã cổ phiếu niêm yết: BMF) xin được giải trình như sau:

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “Nhu đã nêu tại mục 5.8 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có một khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biến thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn, được phát hiện vào tháng 11 năm 2019, với số tiền ước tính là 3.932.346.858 VND, hiện đang chờ kết luận của cơ quan điều tra. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi không thể xác minh được tính hiện hữu cũng như giá trị của khoản tiền biến thủ tiền hàng này, cũng như chưa thể ước tính được các tổn thất nếu có.”

Mục 5.8 trong Thuyết minh báo cáo tài chính 2020: “Khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biến thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn, được phát hiện vào tháng 11 năm 2019, với số tiền ước tính là: 3.932.346.858 VND. Hiện Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan điều tra để xác minh tính hiện hữu cũng như giá trị số tiền phải thu, nên chưa trích lập dự phòng đối với khoản biến thủ tiền hàng này.”

BMF xin giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

Sau khi Công ty xác minh sự việc và có bằng chứng về việc biến thủ số tiền hàng: **3.932.346.858 VND** (Ba tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng) của ông Nguyễn Xuân Toàn – Nguyên cửa hàng trưởng Cửa hàng xăng dầu Núi Le là đơn vị trực thuộc Công ty. Công ty đã tiến hành nộp Đơn tố giác tội phạm đối với ông Nguyễn Xuân Toàn cho cơ quan công an điều tra vào ngày 19/03/2020.

Trong quá trình điều tra, Công ty đã phối hợp với cơ quan cảnh sát điều tra cung cấp tài liệu, hồ sơ, giấy tờ liên quan đến vụ việc ông Nguyễn Xuân Toàn. Cơ quan cảnh sát điều tra cũng đã



khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với ông Nguyễn Xuân Toàn để phục vụ quá trình điều tra.

Hiện tại, Cơ quan điều tra đang trong quá trình xác minh đối với đối tác khách hàng của Công ty để có căn cứ kết luận điều tra và truy tố vụ án.

Trên đây là toàn bộ ý kiến giải trình của BMF kính gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 – 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 – 39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 13 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 và 01/01/2020 là 41.596.000.000 VND, tương đương với 4.159.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BMF và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 16 tháng 04 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm khiêu vũ) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỡ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Le - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ấp 4, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 51, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Dầu Giây - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ngã 3 Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1, Khu phố 3, Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219 Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Km 135, Quốc lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
10	Trạm Xăng dầu Trảng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường Bùi Trọng Nghĩa, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Chi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Văn Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Thành viên
Ông Lê Minh Khuê	Thành viên

Ban kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ
Bà Vũ Thị Mai Phương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Anh	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Chi	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc từ ngày 29/07/2020 Giữ chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 29/07/2020
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Phó Giám đốc	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Chi	Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN VĂN CHI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

Số: 289/2021/BCKT-HCM.00914

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2021, từ trang 7 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.8 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có một khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biến thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn, được phát hiện vào tháng 11 năm 2019, với số tiền ước tính là 3.932.346.858 VND, hiện đang chờ kết luận của cơ quan điều tra. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi không thể xác minh được tính hiện hữu cũng như giá trị của khoản biến thủ tiền hàng này, cũng như chưa thể ước tính được các tổn thất nếu có.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2021

A blue ink signature of Nguyễn Thị Thanh Minh.

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0068-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.572.133.129	168.010.670.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	65.706.224.630	23.762.805.712
1. Tiền	111		65.706.224.630	23.762.805.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	27.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	27.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.049.774.336	91.385.186.218
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	45.041.854.502	77.910.960.276
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	267.749.408	1.115.086.457
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	23.096.000.000	11.530.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	2.372.942.205	1.168.690.432
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.303.947.243)	(830.049.397)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.8	4.575.175.464	490.498.450
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	16.026.468.375	24.854.882.474
1. Hàng tồn kho	141		16.026.468.375	24.854.882.474
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		789.665.788	1.007.796.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	340.790.273	9.874.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		364.897.745	777.797.546
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	83.977.770	220.124.732
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.856.556.889	22.659.782.831
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.298.190.000	1.023.650.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	875.000.000	875.000.000
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	423.190.000	148.650.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.659.027.381	17.735.276.410
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	7.001.614.326	5.934.396.215
- Nguyên giá	222		26.129.837.584	23.528.007.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.128.223.258)	(17.593.610.824)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	11.657.413.055	11.800.880.195
- Nguyên giá	228		12.677.677.564	12.677.677.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.020.264.509)	(876.797.369)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		132.000.000	132.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	132.000.000	132.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.100.000.000	1.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.100.000.000	1.100.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.667.339.508	2.668.856.421
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	2.585.521.326	2.668.856.421
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		81.818.182	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		180.428.690.018	190.670.453.513

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		48.797.468.372	75.549.594.236
I. Nợ ngắn hạn	310		47.396.781.705	75.167.027.569
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	2.188.686.300	2.829.807.367
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	62.642.485	500.526.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.133.267.710	1.815.149.405
4. Phải trả người lao động	314		1.465.784.048	1.442.965.310
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	551.309.999	302.053.140
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	1.786.983.668	167.617.884
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	39.384.470.000	67.954.169.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	823.637.495	154.739.164
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.400.686.667	382.566.667
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	1.400.686.667	382.566.667
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.631.221.646	115.120.859.277
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	131.631.221.646	115.120.859.277
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.596.000.000	41.596.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.596.000.000	41.596.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.594.900.000	20.594.900.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.323.598.766	12.323.598.766
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.116.722.880	40.606.360.511
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		39.904.862.180	23.068.902.240
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		17.211.860.700	17.537.458.271
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		180.428.690.018	190.670.453.513

MAI VĂN QUÝ
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN HÒA
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN CHI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.031.815.235.041	1.124.355.233.959
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.331.640	108.002.392
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	6.1	1.031.804.903.401	1.124.247.231.567
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	977.769.245.399	1.073.512.312.959
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		54.035.658.002	50.734.918.608
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.171.848.146	1.057.107.630
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.880.331.198	1.212.684.467
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.880.331.198	1.212.684.467
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	20.425.335.786	16.380.583.106
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	12.169.386.660	10.705.722.168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		21.732.452.504	23.493.036.497
11. Thu nhập khác	31	6.7	678.419.540	415.189.098
12. Chi phí khác	32	6.8	731.027.837	1.760.229.485
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(52.608.297)	(1.345.040.387)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.679.844.207	22.147.996.110
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	4.549.801.689	4.610.537.839
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(81.818.182)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		17.211.860.700	17.537.458.271
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	4.138	5.533


MAI VĂN QUÝ
Người lập biểu


NGUYỄN VĂN HÒA
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN CHI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.679.844.207	22.147.996.110
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.738.079.574	1.376.425.346
Các khoản dự phòng	03	473.897.846	(135.078.850)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.180.939.055)	(1.057.107.630)
Chi phí lãi vay	06	1.880.331.198	1.212.684.467
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.591.213.770	23.544.919.443
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	28.702.020.799	(39.137.053.331)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	8.828.414.099	(17.414.818.886)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	1.959.188.249	(118.874.122)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(247.581.178)	(567.377.591)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.046.020.702)	(1.046.994.963)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.194.625.629)	(3.817.033.915)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(32.600.000)	(1.043.672.730)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	55.560.009.408	(39.600.906.095)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.661.830.545)	(3.263.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	9.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(157.918.000.000)	(78.530.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	173.352.000.000	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.171.848.146	1.121.990.863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	14.953.108.510	(40.671.009.137)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	42.161.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(565.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	387.447.196.000	428.271.947.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(416.016.895.000)	(378.198.278.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.569.699.000)	91.669.669.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI
255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	41.943.418.918	11.397.753.768
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	23.762.805.712	12.365.051.944
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	65.706.224.630	23.762.805.712

MAI VĂN QUÝ
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN HÒA
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN CHI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 13 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 và 01/01/2020 là 41.596.000.000 VND, tương đương với 4.159.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BMF và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 16 tháng 04 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm khiêu vũ) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỏ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty liên kết

Công ty có 1 công ty liên kết bao gồm:

Tên công ty	Thành lập theo	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 08/10/1998	01A Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Ăn uống công cộng, chế biến bữa ăn công nghiệp, kinh doanh thực phẩm và giết mổ gia súc.	44%

Thông tin về chi nhánh

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Le - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ấp 4, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 51, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Dầu Giây - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ngã 3 Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1, Khu phố 3, Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219 Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Km 135, Quốc lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
10	Trạm Xăng dầu Trảng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường Bùi Trọng Nghĩa, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 133 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 130 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính (Thông tư 200/2014/TT-BTC), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 - 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.13 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.17 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần	Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Việt Nam	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	682.143.905	348.224.463
Tiền gửi ngân hàng	65.024.080.725	21.634.528.249
Tiền đang chuyển	-	1.780.053.000
	65.706.224.630	23.762.805.712

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chi tiết như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND
Giá trị ghi sổ VND			
Ngắn hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	27.000.000.000
	-	-	27.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty chỉ bao đầu tư vào công ty liên kết, chi tiết như sau:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông (a)	1.100.000.000	-	(*)	1.100.000.000	-	(*)
	1.100.000.000	-		1.100.000.000	-	

- (a) Đây là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông với giá trị vốn góp là 1.100.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 44% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 20 tháng 06 năm 1996 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 05 năm 2020. Hoạt động chính của công ty liên kết là dịch vụ ăn uống khác, chi tiết: cung ứng dịch vụ ăn uống.

Các giao dịch trọng yếu với công ty liên kết được trình bày tại mục 9.1.2.

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết đang ghi nhận theo giá gốc. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường, và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	6.548.511	9.865.740
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần DIC Đồng Tiến	802.080.000	912.360.000
Công ty TNHH Thương mại Thuận Thành Tài	946.489.986	645.820.000
Công ty TNHH Một thành viên Quý Như Ngọc	-	1.770.620.000
Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Việt Khánh Đa	588.462.000	1.877.130.000
Công ty TNHH Hải Âu Phát	792.240.003	2.272.970.000
Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu và Thương mại Phú Minh Châu - Chi nhánh Đồng Nai	-	2.133.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Trạm xăng dầu Hoàng Nguyên	898.910.773	602.640.000
Chi nhánh Công ty TNHH De Heus tại Đồng Nai	915.199.980	570.550.000
Công ty TNHH Như Linh	647.634.194	2.244.024.470
Công ty Cổ phần Vận tải Toàn Cầu Việt Nam	1.363.239.987	939.908.880
Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Hoàng Vinh	1.060.142.920	1.805.192.740
Các khách hàng khác	37.020.906.148	62.126.878.446
	45.041.854.502	77.910.960.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Bà Rịa – Vũng Tàu	126.011.000	-
Công ty Cổ phần Tam Vương	26.484.000	-
Công ty TNHH Giải pháp Thương hiệu Sao Kim	27.500.000	27.500.000
Công ty Cổ phần Alpha Interiors	25.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	62.754.408	1.087.586.457
	267.749.408	1.115.086.457

5.4.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Một thành viên Quý Như Ngọc	875.000.000	875.000.000
	875.000.000	875.000.000

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020 Giá trị VND	Dự phòng VND	01/01/2020 Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	-	-	11.530.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ông Nguyễn Hoàng Linh (*)	23.096.000.000	-		
	23.096.000.000	-	11.530.000.000	-

(*) Đây là khoản cho vay theo hợp đồng cho vay tiền số 001/HĐVT-2020/CĐĐN ngày 21 tháng 12 năm 2020. Mục đích cho vay để đầu tư sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay 7%/năm, thời hạn cho vay 3 tháng kể từ ngày giải ngân.

5.6 Phải thu khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 Giá trị VND	Dự phòng VND	01/01/2020 Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu tiền hàng các cửa hàng	583.508.240	-	658.182.743	-
Lãi ngân hàng dự thu	-	-	300.328.767	-
Thuế thu nhập cá nhân truy thu	38.644.483	-	54.004.009	-
Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật (*)	763.636.364	-	-	-
Phải thu về vỏ bình gas	480.828.106	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	237.363.657	-	29.047.224	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-	1.292.500	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	268.961.355	-	125.835.189	-
	2.372.942.205	-	1.168.690.432	-

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến tiền thuê mặt bằng của Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật theo hợp đồng thuê số 15/VLCĐ-TN ngày 25 tháng 12 năm 2014. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa xuất hóa đơn cho khoản tiền thuê này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	423.190.000	148.650.000
	423.190.000	148.650.000

5.7 Nợ xấu

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng						
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ 211	244.950.000	-	(244.950.000)	244.950.000	-	(244.950.000)
DNTN Vạn Minh	100.480.000	-	(100.480.000)	100.480.000	-	(100.480.000)
Công ty TNHH MTV Vận tải Văn Tiến Nghĩa	75.417.860	-	(75.417.860)	75.417.860	22.625.358	(52.792.502)
Công ty TNHH MTV Ngọc Tân Thành	204.365.800	61.309.740	(143.056.060)	204.365.800	102.182.900	(102.182.900)
Công ty Cổ phần Nam Thịnh Phát	470.919.993	-	(470.919.993)	470.919.993	141.275.998	(329.643.995)
Công ty TNHH Nguyên Hòa Bình	318.868.900	95.660.670	(223.208.230)	318.868.900	318.868.900	-
Công ty TNHH Huy Tuấn Phát	65.593.000	19.677.900	(45.915.100)	65.593.000	65.593.000	-
	1.480.595.553	176.648.310	(1.303.947.243)	1.480.595.553	650.546.156	(830.049.397)

5.8 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Hàng tồn kho	642.828.606	490.498.450
Công nợ biến thủ (*)	3.932.346.858	-
	4.575.175.464	490.498.450

(*) Khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biến thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn, được phát hiện vào tháng 11 năm 2019, với số tiền ước tính là 3.932.346.858 VND. Hiện Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan điều tra để xác minh tính hiện hữu cũng như giá trị số tiền phải thu, nên chưa trích lập dự phòng đối với khoản biến thủ tiền hàng này.

5.9 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công cụ dụng cụ	127.240.000	-	-	-
Hàng hóa	15.899.228.375	-	24.854.882.474	-
	16.026.468.375	-	24.854.882.474	-

Hàng hóa của Công ty được thế chấp cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số 5.19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.10 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công cụ, dụng cụ	340.790.273	9.874.000
	340.790.273	9.874.000

5.10.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Sửa chữa sân đường Cửa hàng Long Phước	84.183.847	131.479.835
Sân đường, tường chắn lửa Cửa hàng Tân Biên	142.599.350	360.438.401
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	107.740.983	123.742.481
Chi phí lắp đặt camera	46.673.778	81.679.111
Chi phí lắp đặt trang thiết bị cửa hàng	940.607.695	1.364.067.441
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.263.715.673	607.449.152
	2.585.521.326	2.668.856.421

5.11 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	12.732.237.950	7.761.096.387	3.034.672.702	-	23.528.007.039
Mua trong năm	165.506.000	1.328.650.000	1.076.174.545	91.500.000	2.661.830.545
Thanh lý	-	(60.000.000)	-	-	(60.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	12.897.743.950	9.029.746.387	4.110.847.247	91.500.000	26.129.837.584
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	11.072.221.259	4.253.110.438	2.268.279.127	-	17.593.610.824
Khấu hao trong năm	553.284.455	636.543.801	394.130.289	10.653.889	1.594.612.434
Thanh lý	-	(60.000.000)	-	-	(60.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	11.625.505.714	4.829.654.239	2.662.409.416	10.653.889	19.128.223.258
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	1.660.016.691	3.507.985.949	766.393.575	-	5.934.396.215
Tại ngày 31/12/2020	1.272.238.236	4.200.092.148	1.448.437.831	80.846.111	7.001.614.326

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 14.532.894.931 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 12.180.111.187 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang thế chấp cho khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.767.262.384 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 3.460.104.943 VND) (xem thuyết minh 5.19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.12 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2020	12.380.391.200	297.286.364	12.677.677.564
Tại 31/12/2020	12.380.391.200	297.286.364	12.677.677.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ			
Tại 01/01/2020	802.873.579	73.923.790	876.797.369
Khấu hao trong năm	84.009.864	59.457.276	143.467.140
Tại 31/12/2020	886.883.443	133.381.066	1.020.264.509
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2020	11.577.517.621	223.362.574	11.800.880.195
Tại 31/12/2020	11.493.507.757	163.905.298	11.657.413.055

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị còn lại của Quyền sử dụng đất dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 3.004.177.357 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 3.088.187.221 VND) (xem thuyết minh 5.19).

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020 VND	Phát sinh trong năm VND	31/12/2020 VND
Mua sắm tài sản cố định	132.000.000	-	132.000.000
	132.000.000	-	132.000.000

Đây là khoản tiền tư vấn xây dựng, thiết kế, phòng cháy chữa cháy. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa nghiệm thu tài sản này.

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ hàng hải S.T.S	336.089.100	-
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	341.043.076	85.839.512
Công ty TNHH MKP Tech	432.404.942	-
Công ty TNHH Thương mại Minh Đại	268.236.003	1.165.463.452
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Khánh Đa	316.503.000	468.961.823
Các nhà cung cấp khác	494.410.179	1.109.542.580
	2.188.686.300	2.829.807.367

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Xây dựng Núi Vàng	15.000.000	-
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh - DHL - VNPT	-	70.099.866
Các khách hàng khác	47.642.485	430.426.433
	62.642.485	500.526.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.16 Thuế và các khoản thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm			31/12/2020	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Chuyển khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	- (220.124.732)		103.359.507.368	(5.004.906.130)	(98.218.454.276)	- (83.977.770)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.583.995.139	-	4.549.801.689	(5.194.625.629)	-	939.171.199	-
Thuế thu nhập cá nhân	231.154.266	-	556.359.228	(611.111.782)	-	176.401.712	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	863.429.205	(845.734.406)	-	17.694.799	-
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	(13.000.000)	-	-	-
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	-	-	21.678.889	(21.678.889)	-	-	-
	1.815.149.405	(220.124.732)	109.363.776.379	(11.691.056.836)	(98.218.454.276)	1.133.267.710	(83.977.770)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ, dịch vụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.679.844.207	22.147.996.110
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.069.164.239	987.664.948
Thu nhập chịu thuế	22.749.008.446	23.135.661.058
Thu nhập được miễn thuế	-	(82.971.861)
Thu nhập tính thuế	22.749.008.446	23.052.689.197
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.549.801.689	4.610.537.839

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	-	165.689.504
Chi phí thuê mặt bằng	409.090.909	136.363.636
Chi phí vận chuyển	116.849.090	-
Chi phí phải trả khác	25.370.000	-
	551.309.999	302.053.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	114.540.000	7.773.044
Kinh phí công đoàn	12.122.000	-
Bảo hiểm xã hội	8.593.750	-
Phải trả bảo hành công trình	99.459.135	110.122.689
Phải trả về vỏ bình gas	583.034.624	-
Thuế thu nhập cá nhân truy thu lại nhân viên	11.510.408	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	957.723.751	49.722.151
	1.786.983.668	167.617.884

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.400.686.667	382.566.667
	1.400.686.667	382.566.667

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	16.160.000.000	16.160.000.000	33.257.827.000	33.257.827.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (b)	23.224.470.000	23.224.470.000	34.696.342.000	34.696.342.000
	39.384.470.000	39.384.470.000	67.954.169.000	67.954.169.000

- (a) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng cho vay hạn mức số 300039854/2020/HĐCVHM/NHCT680-CHATDOT ngày 29 tháng 05 năm 2020. Hạn mức vay là 60.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 29 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 04 năm 2021. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Lãi suất vay theo từng khung ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 5 với giá trị đảm bảo là 1.960.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-13.62.9584/HĐTC ngày 14 tháng 08 năm 2013
- Toàn bộ hàng hóa là nhiên liệu xăng dầu, nhớt mỡ, gas, hàng khác... với giá trị đảm bảo là 32.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 14.62.300039854/HĐTC-CD ngày 18 tháng 09 năm 2014.
- Quyền đòi nợ với giá trị đảm bảo là 77.800.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT ngày 30 tháng 12 năm 2019.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Cửa hàng xăng dầu Long Phước, Cửa hàng xăng dầu Núi Le, Cửa hàng xăng dầu Trảng Bom, Cửa hàng xăng dầu số 2 và văn phòng Công ty với giá trị giá đảm bảo là 448.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 300039854/2020/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT-BDS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với giá trị đảm bảo 3.982.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp động sản số 300039854/2020/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT.
- (b) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng số 2020052/HDTD/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2020052/HDHM/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020. Hạn mức vay là 35.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 628 tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 17 tại xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai với giá trị đảm bảo là 2.859.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2019050/HĐBĐ/QLN ngày 26 tháng 06 năm 2019.
- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 3 tờ bản đồ số 30 tại xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai với giá trị đảm bảo là 17.312.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số 20120230/HĐBĐ/SME/NHNT ngày 10 tháng 09 năm 2012.
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh như xăng dầu, nhớt, mỡ, gas với giá trị đảm bảo là 5.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2020090/HĐBĐ/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020.
- Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa với giá trị tài sản đảm bảo quyền tài sản là 35.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 2020091/HĐBĐ/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2020	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	67.954.169.000	387.447.196.000	(416.016.895.000)	39.384.470.000
	67.954.169.000	387.447.196.000	(416.016.895.000)	39.384.470.000

5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2020	Tăng do trích lập /nhận quỹ	Chi quỹ trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	95.989.015	-	-	95.989.015
Quỹ phúc lợi	52.523.407	-	(32.600.000)	19.923.407
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	6.226.742	701.498.331	-	707.725.073
	154.739.164	701.498.331	(32.600.000)	823.637.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.21 Vốn chủ sở hữu

5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	20.798.000.000	-	12.323.598.766	23.068.902.240	56.190.501.006
Tăng vốn trong năm	20.798.000.000	20.594.900.000	-	-	41.392.900.000
Lãi trong năm	-	-	-	17.537.458.271	17.537.458.271
Tại ngày 31/12/2019	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	40.606.360.511	115.120.859.277
Tại ngày 01/01/2020	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	40.606.360.511	115.120.859.277
Lãi trong năm	-	-	-	17.211.860.700	17.211.860.700
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(701.498.331)	(701.498.331)
Tại ngày 31/12/2020	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	57.116.722.880	131.631.221.646

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 13 tháng 07 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là 41.596.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2020			01/01/2020		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %
Nguyễn Văn Chi	923.200	9.232.000.000	22,19	923.200	9.232.000.000	22,19
Nguyễn Thế Hùng	600.000	6.000.000.000	14,43	600.000	6.000.000.000	14,43
Vũ Thị Mai Phương	600.000	6.000.000.000	14,43	600.000	6.000.000.000	14,43
Ngô Dạ Ngân	651.381	6.513.810.000	15,66	651.381	6.513.810.000	15,66
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	443.500	4.435.000.000	10,66	443.500	4.435.000.000	10,66
Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ Phần	208.000	2.080.000.000	5,00	208.000	2.080.000.000	5,00
Cổ đông khác	733.519	7.335.190.000	17,63	733.519	7.335.190.000	17,63
	4.159.600	41.596.000.000	100,00	4.159.600	41.596.000.000	100,00

5.21.3 Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.159.600	4.159.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.159.600	4.159.600
Cổ phiếu phổ thông	4.159.600	4.159.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.159.600	4.159.600
Cổ phiếu phổ thông	4.159.600	4.159.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Từ 1 năm trở xuống	257.750.132	257.750.132
Trên 1 năm đến 5 năm	718.020.779	718.020.779
Trên 5 năm	5.479.632.455	5.737.382.587
	6.455.403.366	6.713.153.498

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Doanh thu thuần

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.030.977.598.681	1.123.014.688.510
Doanh thu cung cấp dịch vụ	837.636.360	1.340.545.449
	1.031.815.235.041	1.124.355.233.959
Các khoản giảm trừ:		
- Hàng bán trả lại	(10.331.640)	(108.002.392)
Doanh thu thuần	1.031.804.903.401	1.124.247.231.567

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	98.080.088	324.331.547
	98.080.088	324.331.547

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán (*)	977.769.245.399	1.073.512.312.959
	977.769.245.399	1.073.512.312.959

(*) Trong năm, Công ty đã ghi nhận chi phí lương và các chi phí khác liên quan đến bộ phận mua hàng vào Giá vốn hàng hóa đã bán với số tiền là 2.112.886.294 VND.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.235.606.810	773.924.550
Lãi cho vay	936.241.336	200.211.219
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	82.971.861
	2.171.848.146	1.057.107.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	1.880.331.198	1.212.684.467
	1.880.331.198	1.212.684.467

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	13.490.372.903	10.475.345.716
Chi phí vật liệu bao bì	125.775.590	130.627.960
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.289.295.613	1.700.369.277
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.343.964.134	1.143.920.887
Chi phí hàng khuyến mãi	424.361.871	446.110.843
Chi phí thuê mặt bằng	272.727.272	272.727.272
Chi phí điện văn phòng	433.772.471	270.240.635
Chi phí tiếp khách	368.876.137	236.064.453
Chi phí hoa hồng	1.838.909.453	30.182.843
Chi phí bán hàng khác	837.280.342	1.674.993.220
	20.425.335.786	16.380.583.106

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.209.157.634	4.325.932.556
Chi phí vật liệu quản lý	211.769.464	305.233.583
Chi phí đồ dùng văn phòng	594.119.010	411.332.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	394.115.440	232.504.459
Thuế, phí và lệ phí	891.585.479	638.153.421
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	473.897.846	(135.078.850)
Chi phí điện văn phòng	161.521.576	135.406.959
Chi phí thuê nhà	163.400.000	160.000.000
Chi phí tiếp khách	322.329.617	1.513.311.912
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.747.490.594	3.118.925.775
	12.169.386.660	10.705.722.168

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	9.090.909	-
Thu nhập từ tiền điện, nước các kí ốt cho thuê	415.078.428	396.437.538
Thu nhập khác	254.250.203	18.751.560
	678.419.540	415.189.098

6.8 Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trực tiếp tham gia điều hành	-	857.347.827
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành	348.000.000	327.000.000
Chi phí điện nước các kí ốt cho thuê	334.815.446	390.684.695
Chi phí khác	48.212.391	185.196.963
	731.027.837	1.760.229.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	17.211.860.700	17.537.458.271
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(701.498.331)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.211.860.700	16.835.959.940
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	4.159.600	3.042.776
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.138	5.533

Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 701.498.331 VND, vì vậy lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm đi một khoản tương ứng. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 5.764 VND/ cổ phiếu xuống còn 5.533 VND/ cổ phiếu. Công ty có kế hoạch trích quỹ khen thưởng 4% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020. Phương án trích lập này sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp tới.

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2020 Cổ phiếu	Năm 2019 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.159.600	2.079.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	962.976
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.159.600	3.042.776

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.775.590	130.627.960
Chi phí nhân công	20.699.530.537	14.801.278.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.738.079.574	1.376.425.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.622.183.331	2.996.650.584
Chi phí khác	6.409.153.414	7.781.323.112
	32.594.722.446	27.086.305.274

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	387.447.196.000	428.271.947.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	416.016.895.000	378.198.278.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Phải trả người bán	2.188.686.300	-	2.188.686.300
Chi phí phải trả	551.309.999	-	551.309.999
Phải trả khác	1.651.727.918	-	1.651.727.918
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	-	1.400.686.667	1.400.686.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	39.384.470.000	-	39.384.470.000
	43.776.194.217	1.400.686.667	45.176.880.884
Ngày 01 tháng 01 năm 2020			
Phải trả người bán	2.829.807.367	-	2.829.807.367
Chi phí phải trả	302.053.140	-	302.053.140
Phải trả khác	159.844.840	-	159.844.840
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	-	382.566.667	382.566.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	67.954.169.000	-	67.954.169.000
	71.245.874.347	382.566.667	71.628.441.014

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.9, 5.12 và 5.19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	27.000.000.000	-	27.000.000.000
Phải thu khách hàng	45.035.305.991	77.901.094.536	43.731.358.748	77.071.045.139
Phải thu các bên liên quan	6.548.511	9.865.740	6.548.511	9.865.740
Phải thu khác	1.163.853.829	1.138.350.708	1.163.853.829	1.138.350.708
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	423.190.000	148.650.000	423.190.000	148.650.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.706.224.630	23.762.805.712	65.706.224.630	23.762.805.712
	112.335.122.961	129.960.766.696	111.031.175.718	129.130.717.299

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Phải trả người bán	2.188.686.300	2.829.807.367	2.188.686.300	2.829.807.367
Chi phí phải trả	551.309.999	302.053.140	551.309.999	302.053.140
Phải trả khác	1.651.727.918	159.844.840	1.651.727.918	159.844.840
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	1.400.686.667	382.566.667	1.400.686.667	382.566.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	39.384.470.000	67.954.169.000	39.384.470.000	67.954.169.000
	45.176.880.884	71.628.441.014	45.176.880.884	71.628.441.014

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lương, thưởng	1.632.265.000	2.239.247.273
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	1.218.000.000	1.184.347.827
	2.850.265.000	3.423.595.100

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh			
	Cho vay	-	11.530.000.000
	Thu tiền cho vay	11.530.000.000	-
	Lãi cho vay	34.229.041	-

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt:

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh			
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.530.000.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông			
	Bán hàng hóa	98.080.088	324.331.547
	Trả lại hàng bán	-	5.539.910
	Lợi nhuận được chia	-	86.833.861

Số dư với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông			
	Phải thu khách hàng ngắn hạn	6.548.511	9.865.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9.2 Thông tin bộ phận

9.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt.

9.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (tỉnh Đồng Nai).

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2020) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

MAI VĂN QUÝ
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN HÒA
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN CHI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2021

Dư thảo:

TỜ TRÌNH
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT, BKS NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT, BKS NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền lợi và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 29/06/2020;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020, kế hoạch kinh doanh năm 2021 và thực tế hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

I. Tình hình chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2020

Căn cứ vào Nghị quyết số 188/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 29/06/2020, thực tế thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2020 là: 1.218.000.000 đồng.

II. Phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2021

Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2021 dự kiến chi: 1.218.000.000 đồng.

Số tiền phân chia thù lao cụ thể cho từng chức danh của các thành viên HĐQT và BKS do HĐQT tự chi theo thỏa thuận thống nhất của HĐQT.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *TV HĐQT, BKS;*
- *Ban Giám đốc;*
- *Lưu HĐQT, TC-HC.*

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chi

Số: .../TTTr/2021/DBFC

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2021

Dư thảo:

TỜ TRÌNH

**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2020,
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ vào Quy chế quản trị công ty của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 29/06/2020;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai cho năm tài chính từ ngày 01/01/2020 kết thúc ngày 31/12/2020, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020

BẢNG PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2020

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	17.211.860.700
II	Trích lập các quỹ	
1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành (4%)	688.474.428

III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	16.523.386.272
IV	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020	0%

2. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021

BẢNG PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TÚC NĂM 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	24.789.742.078 đồng
II	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	5 % lợi nhuận sau thuế năm 2021
III	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021	0%

Số lợi nhuận chưa phân phối còn lại tiếp tục ưu tiên dòng tiền vào làm nguồn lực cho sự phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Chi

Số:/2021/BKS/DBFC

Biên Hòa, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VLXD và Chất đốt Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty).

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam ngày 09 tháng 3 năm 2021.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và luật Doanh nghiệp.

1. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

2. Kiểm soát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3. Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.

4. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam

5. Ban kiểm soát thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ

II. Kết quả công tác giám sát năm 2020

1. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020

- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính năm 2020 phản ánh đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán ngày 09/3/2021

- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam: Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*** Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính:**

Các chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: Đồng

TÊN CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	156.572.133.129	168.010.670.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	66.706.224.630	23.762.805.712
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	27.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	74.049.774.336	91.385.186.218
IV. Hàng tồn kho	16.026.468.375	24.854.882.474
V. Tài sản ngắn hạn khác	789.665.788	1.007.796.278
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	23.856.556.889	22.659.782.831
I. Các khoản phải thu dài hạn	1.298.190.000	1.023.650.000
II. Tài sản cố định	18.659.027.381	17.735.276.410
IV. Tài sản dở dang dài hạn	132.000.000	132.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.100.000.000	1.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	2.667.339.508	2.668.856.421
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	180.428.690.018	190.670.453.513
NGUỒN VỐN		
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	48.797.468.372	75.549.594.236
I. Nợ ngắn hạn	47.396.781.705	75.167.027.569
II. Nợ dài hạn	1.400.686.667	382.566.667
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	131.631.221.646	115.120.859.277
I. Vốn chủ sở hữu	131.631.221.646	115.120.859.277
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	39.904.862.180	23.068.902.240
- LNST chưa phân phối kỳ này	17.221.860.700	17.537.458.271
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	180.428.690.018	190.670.453.513

- Tài sản ngắn hạn: 156,572 tỷ đồng, chiếm 86,78% tổng tài sản, chủ yếu là tiền, nợ phải thu và hàng tồn kho.

- Số dư nợ phải thu ngắn hạn khách hàng: 45,042 tỷ đồng. Đây là kết quả đáng ghi nhận năm 2020 công tác thu hồi công nợ hoạt động tích cực, giảm thiểu tỷ lệ rủi ro cho công ty. Đối với công nợ tồn đọng khó thu hồi, tổng số dự phòng đã trích tính đến thời điểm 31/12/2020 là 1.303 triệu đồng.

- Tài sản dài hạn: 23,86 tỷ đồng chiếm 13,22% tổng tài sản
- Nợ phải trả: Tổng dư nợ phải trả tại ngày 31/12/2020: 48,797 tỷ đồng chiếm 27,05% tổng nguồn vốn. Trong đó tiền nợ vay: 39,38 tỷ đồng chiếm 80,71% nợ phải trả.
- Vốn chủ sở hữu: 131,63 tỷ đồng chiếm 72,95% tổng nguồn vốn. Trong đó số dư các quỹ lần lượt là:

- + Vốn góp của chủ sở hữu: 41,596 tỷ đồng
- + Quỹ đầu tư phát triển: 12,323 tỷ đồng
- + Lợi nhuận chưa phân phối: 57,117 tỷ đồng

Qua cơ cấu tài chính trên cho thấy:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xăng, dầu, gas.. Do đó, tài sản chủ yếu là tài sản ngắn hạn, chiếm 86,78 % tổng tài sản (chủ yếu hàng tồn kho, nợ phải thu, tiền mặt).

Nguồn vốn chủ yếu tài trợ cho hoạt động kinh doanh là nguồn vốn vay. Số dư công nợ phải thu khách hàng chiếm 24,96% tổng tài sản.

*** Tình hình và cơ cấu cổ đông:**

- Chi tiết vốn đầu tư của CSH	<u>ĐVT</u>	<u>Tại ngày 31/12/2020</u>	<u>Tỷ lệ</u>
+ Ông Nguyễn Văn Chi	Đồng	9.232.000.000	22,19%
+ Ông Nguyễn Thế Hùng	Đồng	6.000.000.000	14,43%
+ Bà Vũ Thị Mai Phương	Đồng	6.000.000.000	14,43%
+ Bà Ngô Dạ Ngân	Đồng	6.513.810.000	15,66%
+ Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Đồng	4.435.000.000	10,66%
+ Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần	Đồng	2.080.000.000	5,00%
+ Các cổ đông khác	Đồng	7.335.190.000	17,63%
Cộng		41.596.000.000	100%

- Số lượng cổ đông	CĐ	138
- Tổng số cổ phần đang lưu hành	CP	4.159.600
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	Đồng	10.000

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020

Kết quả các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2020 như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Kế hoạch 2020</i>	<i>Thực hiện 2020</i>	<i>Tỷ lệ TH/KH2020</i>
Tổng sản lượng xăng dầu bán ra các loại	Triệu lít	75,948	90,721	119,45%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.003,693	1.031,815	102,80%

Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,185	17,212	187,39%
Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	7,607	11,691	153,69%

- Tổng sản lượng xăng dầu bán ra năm 2020 là: 90,72 triệu lít đạt 119,45% KH năm.
- Doanh thu: 1.031,82 tỷ đồng đạt 102,8% so với kế hoạch năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế: 17,212 tỷ đồng đạt 187,39% so với kế hoạch năm 2020.
- Hai chỉ tiêu cơ bản doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đặt ra, thể hiện sự cố gắng của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.

Năm 2020 kết quả thực hiện sản lượng xăng dầu bán ra trong năm tăng 30,72% so với năm 2019 đã chỉ rõ hiệu quả của chiến lược kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty đã nỗ lực không ngừng trong việc phát triển và khai thác thị trường.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị:

Năm 2020 Hội đồng quản trị đã họp 07 cuộc họp với các nội dung tập trung về ổn định bộ máy tổ chức, chỉ đạo xây dựng các phương án đầu tư, định hướng phát triển dài hạn của Công ty. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự chuẩn bị dự thảo nội dung cụ thể, thông báo cho các thành viên HĐQT và BKS nghiên cứu trước khi họp, các vấn đề nêu ra trong cuộc họp đều được thảo luận dân chủ để đưa ra các Nghị quyết cụ thể, chỉ đạo và vận hành hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể :

- Bám sát tình hình thực tế chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc xây dựng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, chỉ đạo việc cải tạo chỉnh trang nâng cấp cơ sở vật chất tại các cửa hàng
- Cụ thể hóa Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng các Nghị quyết của HĐQT và chỉ đạo Ban giám đốc điều hành và tuân thủ
- Hội đồng quản trị đã hoàn thành chức năng kiểm tra đôn đốc Ban giám đốc trong việc thực hiện

4. Kết quả giám sát đối với Ban giám đốc:

- Ban giám đốc luôn thực hiện đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT đề ra, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và chấp hành nghiêm Luật doanh nghiệp.
- Triển khai xây dựng lại các quy chế, quy định phù hợp với Điều lệ của Công ty và phù hợp với tình hình thực tế.
- Năm 2020 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid nhưng Ban giám đốc đã chỉ đạo sản xuất kinh doanh, có các biện pháp quản lý hợp lý mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch được giao.

5. Kiểm soát nguồn lực Công ty:

*** Công tác tổ chức lao động và tiền lương:**

- Công ty thực hiện chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động theo đúng quy chế trả lương và phân phối tiền thưởng của Công ty. Thu nhập đảm bảo mức sống ổn định của người lao động.

- Ban lãnh đạo Công ty đã hoàn thiện chính sách lương, cơ cấu nhân sự, phân công ka kíp hợp lý đảm bảo sức khỏe cho người lao động tái sản xuất.

- Việc bổ nhiệm và tuyển dụng nhân sự đều xuất phát từ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bộ máy của Công ty đã và đang tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành.

*** Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước**

Công ty thực hiện nộp ngân sách đầy đủ và kịp thời theo quy định.

*** Công tác đầu tư và xây dựng cơ bản năm 2020**

Trong năm 2020 Công ty đã quan tâm đầu tư hạ tầng: sửa chữa, cải tạo nâng cấp các cửa hàng và văn phòng Công ty; đầu tư thiết bị, phần mềm quản lý phục vụ vận hành tại các cửa hàng trực thuộc, trang bị đầu tư biển đồng bộ bảng hiệu cho hệ thống đại lý, trang bị bồn chứa cho khách hàng bán buôn với tổng chi phí là: 1,906 tỷ. Nhìn chung các thủ tục và trình tự đầu tư XD CB được triển khai đầy đủ theo quy định của pháp luật, công tác giám sát nghiệm thu bàn giao thanh toán được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

III. Kiến nghị và phương hướng công tác năm 2020:

Năm 2021 Ban kiểm soát sẽ khắc phục những tồn tại, hạn chế của năm 2020, tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, công tác điều hành sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban giám đốc Đề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả, Ban kiểm soát có một số kiến nghị và phương hướng công tác năm 2021 như sau:

1. Kiến nghị:

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và thực tiễn SXKD của Công ty.

- Đề nghị các cửa hàng trực thuộc Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc khách hàng, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tuân thủ theo đúng quy trình bán hàng, giám sát về chất lượng và số lượng hàng hóa đầu ra, đầu vào tại các cửa hàng. Khai thác và phát triển khách hàng mới, tích cực trong tác thu hồi công nợ, đảm bảo đúng thời hạn theo hợp đồng mua bán nhiên liệu mà Công ty đã ban hành, không để tình trạng vi phạm các quy định và hiện tượng tiêu cực xảy ra. Luôn giữ vững uy tín và không ngừng nâng cao vị thế của Công ty

- Đề nghị các phòng ban có liên quan theo dõi sát các Hợp đồng mua bán nhiên liệu tại các đơn vị, rà soát lại thời hạn thanh toán, tích cực đôn đốc thu hồi công nợ đúng thời hạn, phát hiện sớm những công nợ có dấu hiệu dây dưa, chậm trả để có phương án thu nợ

kip thời. Đối với những công nợ khó đòi đã phát sinh Công ty cần thực hiện các biện pháp đồng bộ, kiên quyết hơn nữa.

- Tăng cường các mối quan hệ truyền thống hiện có, tiếp tục nghiên cứu mở rộng thị trường ra các địa bàn lân cận để tìm các đối tác mới nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm .

2. Phương hướng công tác:

Năm 2021 Ban kiểm soát tập trung thực hiện kế hoạch giám sát với các nội dung sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ và các quyết định của Ban Giám đốc.

- Thực hiện kiểm soát các báo cáo tài chính hàng Quý và Báo cáo Tài chính năm phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của các phòng ban và các Cửa hàng trực thuộc.

- Thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2021. Rất mong nhận được sự tham gia góp ý chân thành của quý cổ đông để BKS hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt BKS kính chúc quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- HĐQT/ BGD
- Lưu VT, BKS

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Vũ Thị Mai Phương

Biên Hoà, ngày tháng năm 2021

Dự thảo:

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty như sau:

Ban Kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng năm 2021.
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban Kiểm soát đề xuất 03 Công ty kiểm toán sau đây để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Với các đề xuất trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn một trong số

các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao cho Giám đốc ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, GĐ
- Lưu VT, BKS.

Vũ Thị Mai Phương

Số:/TTTr/2021/DBFC

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2021

Dự thảo:

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán (HNX/HOSE))

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các văn bản pháp lý có liên quan;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Nhu cầu và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, việc nâng cao vốn điều lệ là rất cần thiết đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, ngày 16/04/2018, Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán BMF. Việc đăng ký giao dịch đã thể hiện tính khách quan, minh bạch thông tin trên thị trường, tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán và quy định về quản trị đối với công ty đại chúng. Tuy nhiên, để khai thác các tiềm năng và lợi thế của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mạnh mẽ về quy mô, phạm vi lớn trong giai đoạn tới, đồng thời nâng cao hơn trong việc quảng bá hình ảnh, thương hiệu, uy tín trên thị trường với nhà đầu tư trong và ngoài nước, cũng như nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng nhu cầu về vốn, lợi nhuận, cơ cấu cổ đông... việc chuẩn bị các điều kiện niêm yết cổ phiếu BMF tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (Hose) là rất cần thiết.

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm 2019, 2020; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021 và cân đối các nguồn vốn của Công ty, Hội đồng quản trị đề xuất và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phần để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho cổ đông hiện hữu và phương án chuyển giao dịch cổ phiếu sang niêm yết tại HOSE, cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Phương án phát hành

- Cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai
- Mã chứng khoán: BMF.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 41.596.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 4.159.600 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.159.600 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 8.319.200 cổ phiếu (Tám triệu, ba trăm mười chín nghìn, hai trăm cổ phiếu).
- Giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 83.192.000.000 đồng (Tám mươi ba tỷ, một trăm chín mươi hai triệu đồng).
- Tỷ lệ phát hành: 1:2 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tại ngày chốt quyền sẽ được nhận 2 cổ phiếu).
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng do tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Mục đích phát hành: Phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ nhằm mục tiêu gia tăng năng lực cạnh tranh bằng chính nội lực sẵn có phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty; nâng cao vị thế thương hiệu; vì lợi ích các cổ đông và tránh lãng phí nguồn lực tài chính hiện có của Công ty.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu thưởng không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Nguồn vốn thực hiện: Thặng dư vốn cổ phần, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Thặng dư vốn cổ phần	20.594.900.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	12.323.598.766
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	50.273.501.234
	Tổng cộng	83.192.000.000

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu đôi dư (nếu có): Cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu đôi dư sẽ được hủy bỏ. Do tỷ lệ phát hành là 1:2 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ.

- Thời gian dự kiến phát hành: Quý II, III/2021 và sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành thêm theo phương án tăng vốn sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (Upcom) vào thời điểm thích hợp theo lựa chọn của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật về chứng khoán.

2. Các nội dung ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời được phép chủ động sửa đổi, bổ sung điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua (bao gồm cả việc điều chỉnh số lượng cổ phiếu phát hành, tỷ lệ thực hiện quyền) và hồ sơ phát hành có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai thành công đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Lựa chọn thời điểm, phương thức thích hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành (Bao gồm việc lựa chọn và quyết định đơn vị tư vấn để thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật; giao cho ban điều hành ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn này);
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy phép, đăng ký kinh doanh, đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu và thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác có liên quan (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt phát hành thành công và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

II. CHUYỂN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SANG NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (HNX/ HOSE)

1. Chuyển giao dịch cổ phiếu sang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán (HNX/ HOSE)

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai
- Mã chứng khoán: BMF
- Sở Giao dịch đang đăng ký giao dịch cổ phiếu: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Sở Giao dịch chứng khoán đăng ký chuyển niêm yết: Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở giao dịch chứng khoán TP Hà Nội (HNX).
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chuyển sàn niêm yết: Toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chuyển sàn niêm yết.
- Thời gian đăng ký chuyển sàn: Dự kiến trong năm 2021 và sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hủy đăng ký giao dịch tại HNX

- Số lượng cổ phiếu hủy đăng ký giao dịch để chuyển sang giao dịch tại HOSE hoặc HNX: Toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chuyển sàn niêm yết.
- Mục đích hủy đăng ký giao dịch: Chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở giao dịch chứng khoán TP Hà Nội (HNX).

3. Các nội dung ủy quyền

- Lựa chọn đơn vị tư vấn đăng ký niêm yết cổ phiếu.
- Làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thành công việc chuyển sàn, niêm yết, hủy đăng ký giao dịch; Chủ động điều chỉnh phương án theo sự thay đổi của pháp luật và/hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm thực hiện.
- Quyết định giá, thời điểm để đăng ký niêm yết tại sàn HOSE hoặc sàn HNX khi đáp ứng đủ các điều kiện, yêu cầu nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN VĂN CHI

Số:/TTTr/2021/DBFC

Biên Hòa, ngày tháng năm 2021

Dự thảo:

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (“Điều lệ”);
- Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT-CD ngày 23/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc bổ nhiệm Giám đốc

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai (“Công ty”) đề xuất Đại hội đồng cổ đông Công ty sửa đổi Điều lệ Công ty với các nội dung sau:

1. Sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật mới

Sau thời gian được ban hành và áp dụng, trước sự thay đổi của hệ thống các văn bản pháp luật liên quan, Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo nội dung trên cơ sở Điều lệ mẫu của công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan. Việc thay đổi Điều lệ được tiến hành đảm bảo tuân theo các nguyên tắc sau:

- Nội dung của Điều lệ phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp và tham khảo xu hướng Điều lệ của các doanh nghiệp lớn trên thị trường.
- Nội dung của Điều lệ phù hợp với nội dung Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nội dung của Điều lệ phù hợp với định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai trong thời gian tới.

2. Thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Căn cứ vào thực tiễn quản lý và hoạt động của Ban điều hành; Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT-CD ngày 23/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông sửa đổi Điều lệ như sau:

Sửa đổi khoản 2, Điều 3 Điều lệ Công ty hiện hành “Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty” thành “ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty”.

Gửi kèm Tờ trình này là toàn văn ***Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai*** thay đổi năm 2021 đã sửa đổi theo các nội dung đề xuất trên. Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai xem xét và thông qua.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VÀ CHẤT ĐỐT ĐỒNG NAI**

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty.....	32
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 33. Người điều hành Công ty	33
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	33
IX. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	34
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	34
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	35
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	35
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	37
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	38
Điều 42. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	38
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	41
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 48. Năm tài chính	42
Điều 49. Chế độ kế toán.....	42
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	42
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	42

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 52. Kiểm toán	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	43
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	43
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	43
Điều 54. Giải thể Công ty.....	43
Điều 55. Thanh lý.....	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	44
Điều 57. Điều lệ Công ty.....	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Công ty là Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai*;
 - b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - h) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - i) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - j) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI
 - b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG NAI BUILDING MATERIAL AND FUEL JOINT STOCK COMPANY
 - c) Tên Công ty viết tắt: CÔNG TY CP VLXD VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 255B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 - Điện thoại: (0251) 3 819 431 – (0251) 3 822 116 – (0251) 3 825 275
 - Fax: (0251) 3 822 014
 - E-mail: Info@chatdotdongnai.com
 - Website: www.chatdotdongnai.com
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
01	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

	Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn.	(Chính)
02	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
03	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây công nghiệp	0129
04	Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá.	0810
05	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chất bôi trơn.	4661
06	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng	4663
07	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng	4752
08	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm khiêu vũ)	5610
09	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4513
10	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
11	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
12	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản	4620
13	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.	4649
14	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Khí dầu mỏ hóa lỏng, chất đốt.	4773
15	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh

có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 41.596.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi một tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu đồng*)
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.159.600 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung như sau:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
 - f) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

- g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có).
- 3. Trong thời hạn theo điều khoản phát hành của Công ty quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
- 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- 5. Thủ tục cấp chứng nhận sở hữu cổ phiếu đối với cổ phiếu đã đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác tương tự) được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

- 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- 1. Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 3. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

- 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử. Việc đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện

từ khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 4 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

6. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Toàn bộ các vấn đề/quyết định/nghị quyết thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật đều có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- u) Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công ty.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại

khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại

- hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo

luận và biểu quyết;

- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:
 - a) Hội đồng quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp trong các trường hợp như chiến tranh, khủng bố, bạo động, tình trạng khẩn cấp quốc gia, rối loạn công cộng, đình công, bệnh dịch, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, thiên tai, giãn cách xã hội, hạn chế đi lại/các sự kiện có tính chất tương tự và/hoặc các trường hợp khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - b) Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Đại hội đồng cổ đông Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục và các quy định khác về họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và/hoặc các quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
- 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện theo

phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu

giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp Biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì Biên bản được lập thêm bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm

trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông phổ thông có quyền gộp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 50% đến 60% được quyền đề cử 04 ứng viên và nắm giữ từ 60% trở lên được quyền đề cử tối đa năm 05 ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực,

ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
 - d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
5. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 24 của

Điều lệ này;

- (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản điểm a, b khoản 4 Điều này.
- d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - (ii) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - (iii) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;
 - (iv) Trừ trường hợp quy định tại tiết (i) và tiết (ii) điểm d khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi và/hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền của Công ty;
 - j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung sau:
- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp.
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

- c) Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
- e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
- f) Kết quả giám sát đối với Giám đốc
- g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
- h) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và ủy quyền/phân công của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của $\frac{1}{2}$ số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị ngay tại cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quyết định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy

quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Biểu quyết

- a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

13. Hội đồng quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tiếp.

Thể thức, điều kiện và các vấn đề liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua được ban hành dưới hình thức nghị quyết/quyết định.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người trong đó có ít nhất một thành viên là thành viên Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công

ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty theo quy định tại khoản 4 Điều này.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội

đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, (các) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và [người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty].
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc và ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh

thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty], Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
3. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- 5. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội

đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
14. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người

có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
20. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
21. Các Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có

trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d) Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành

viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a) Hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- b) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- c) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.

Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch đồng thời thông báo mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
5. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài

chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;

- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- 2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
- 3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

- 1. Bản điều lệ này gồm [21 mục, 57 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 2. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Điều lệ này trái với quy định của pháp luật thì quy định của pháp luật hoặc mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó cho

phù hợp.

3. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Văn Chi

DỰ THẢO



QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐỐT ĐỒNG NAI
Mã số: QC.QT.001

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	4
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành	5
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 5. Công tác chuẩn bị đại hội.....	6
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung sau đây:	6
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến:	13
Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến và các hình thức khác:	13
Điều 9. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:	14
Điều 10. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17
Điều 11. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 12. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 16. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:	21
Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	21
CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 19. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu:	22
Điều 20. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.....	22
Điều 21. Thông báo họp Hội đồng quản trị	22
Điều 22. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	23
Điều 23. Cách thức biểu quyết.....	23
Điều 24. Biên bản họp Hội đồng quản trị	23
Điều 25. Họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác	24

Điều 26. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	25
Điều 27. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;.....	25
Điều 28. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị	25
CHƯƠNG V. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	25
Điều 29. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Các đơn vị khác trực thuộc Hội đồng quản trị	26
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty	26
Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	27
Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	27
Điều 34. Thư ký Công ty	27
CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 35. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.	28
Điều 36. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát	30
Điều 37. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát	31
Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	31
Điều 39. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	31
Điều 40. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát	31
Điều 41. Thù lao và lợi ích liên quan của thành viên Ban kiểm soát	32
Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	33
CHƯƠNG VII. GIÁM ĐỐC.....	33
Điều 43. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc.....	33
Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc.....	33
CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC CÔNG TY	34
Điều 45. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động.....	34
Điều 46. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.....	35
Điều 47. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc	36
Điều 48. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	36
Điều 49. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	37
Điều 50. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc	37

Điều 51. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	37
CHƯƠNG IX. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT	38
Điều 52. Đánh giá hoạt động	38
Điều 53. Khen thưởng – Kỷ luật.....	39
CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	39
Điều 54. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	39
CHƯƠNG XI. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	39
Điều 55. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty.....	39
CHƯƠNG XII. HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	40
Điều 56. Hiệu lực của Quy chế.....	40

Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chát đốt Đồng Nai thông qua theo **Nghị quyết số/2021/NQ-ĐHĐCĐ** ngày .../.../2021.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chát đốt Đồng Nai;
- b) “*Điều lệ*” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chát đốt Đồng Nai được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Người điều hành Công ty* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- g) *Người quản lý Công ty* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán trong các trường hợp sau:
 - Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty đó;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- j) *Cổ đông lớn* là cổ đông là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- k) *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- l) *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- m) *“Người phụ trách quản trị Công ty”* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.
- n) *Sở Giao dịch chứng khoán* là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.
- o) *UBCKNN* là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
- Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ Công ty.
3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 5. Công tác chuẩn bị đại hội

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này sẽ thành lập Ban Tổ chức đại hội. Trưởng ban Ban Tổ chức đại hội có trách nhiệm phân công các thành viên thực hiện các công việc hỗ trợ cho việc tổ chức đại hội.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung sau đây:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- b) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.
- c) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 13 Điều lệ Công ty và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có trách nhiệm thực hiện lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- b) Trường hợp cổ phiếu đã được đăng ký lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác tương tự) thì danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Công ty với nội dung thời gian chốt danh sách, địa điểm, thời gian dự kiến tổ chức họp.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

5. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp

- a) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - (i). Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (ii). Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị (nếu có);
 - (iii). Phiếu biểu quyết;
 - (iv). Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (i). Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản này;
 - (ii). Vào thời điểm Công ty nhận được kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;

(iii). Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(iv). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị theo quy định tại mục c khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:

(i). Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(ii). Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

(iii). Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

(iv). Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

(v). Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công ty.

- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và chữ ký của đại diện hợp pháp của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:

(i). Đối với cổ đông cá nhân:

Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó (hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông) và người được ủy quyền dự họp;

(ii). Đối với cổ đông tổ chức:

- Trong các trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- c) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người được ủy quyền tham dự họp

phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- d) Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty nhận được nhiều văn bản ủy quyền của cùng một cổ đông thì văn bản ban hành sau mặc nhiên có giá trị ưu tiên áp dụng.
- e) Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối các ủy quyền không tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật và/hoặc có các nội dung mâu thuẫn, không rõ ràng dẫn đến không xác định được đối tượng/thời hạn/phạm vi/nội dung ủy quyền của cổ đông. Trong trường hợp này Ban tổ chức sẽ thông báo cho người được ủy quyền dự họp về việc từ chối ủy quyền và người được ủy quyền dự họp có trách nhiệm thông báo lại cho cổ đông/bên ủy quyền.

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề, vướng mắc, tranh chấp phát sinh giữa cổ đông và người đại diện của cổ đông liên quan đến việc ủy quyền dự họp.

- f) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - (i). Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (ii). Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (iii). Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham gia họp và đăng ký cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- a) Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông: Trưởng Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước và trong suốt quá trình diễn ra cuộc họp.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông có tối thiểu 02 người trong đó có 01 trưởng ban và (các) thành viên ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- (i). Chịu trách nhiệm trước chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - (ii). Thực hiện kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông/người đại diện của cổ đông đến tham dự họp trong toàn bộ thời gian diễn ra cuộc họp.
 - (iii). Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp.
- b) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
- c) Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham

dự; Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 6 Điều này;

- d) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện hợp pháp của cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ và/hoặc phiếu biểu quyết tùy thuộc vào các nội dung trong Chương trình họp. Trên thẻ biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trên phiếu biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông.
- e) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

9. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Khi đăng ký cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều này.
- b) Hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
 - Biểu quyết theo hình thức công khai (sử dụng thẻ biểu quyết);
 - Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín (sử dụng phiếu biểu quyết).

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định việc lựa chọn áp dụng hình thức biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc hình thức bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết.

- c) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Đối với trường hợp biểu quyết thông qua thẻ biểu quyết, cổ đông/đại diện hợp pháp của cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết khi được chủ tọa hỏi: *Lần thứ nhất: Biểu quyết tán thành; Lần thứ hai: Biểu quyết không tán thành; Lần thứ ba: Biểu quyết không có ý kiến*) về từng nội dung cụ thể. Đối với trường hợp biểu quyết thông qua phiếu biểu quyết, các phiếu biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu thu lại và kiểm đếm sau khi toàn bộ các nội dung cần biểu quyết đã được lấy ý kiến.

10. Kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu và/hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- b) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
- c) Đối với trường hợp biểu quyết công khai: Ban kiểm phiếu sẽ đếm số thẻ biểu quyết tán thành trước, số thẻ biểu quyết không tán thành được đếm sau, số thẻ biểu quyết không có ý kiến được đếm cuối cùng, sau đó tổng hợp trực tiếp và báo cáo tại đại hội. Cổ đông hoặc đại diện của cổ đông chỉ được biểu quyết cho một trong ba quyết định tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến cho mỗi nội dung được biểu quyết. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập báo cáo/xác nhận kết quả biểu quyết thông qua hình thức biểu quyết công khai trong đó nêu rõ tổng số thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.
- d) Đối với trường hợp bỏ phiếu kín: Các cổ đông sau khi lựa chọn các phương án biểu quyết tại mỗi nội dung của cuộc họp trên phiếu biểu quyết, các cổ đông sẽ bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu. Hòm phiếu đã được khóa và niêm phong theo đúng quy định của pháp luật và do Ban kiểm phiếu quản lý;

Sau khi các nội dung họp đã được xin ý kiến, Ban kiểm phiếu tiến hành mở hòm phiếu niêm phong dưới sự chứng kiến của các thành viên Ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu (nếu có).

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra phiếu biểu quyết theo thứ tự các phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến và tổng hợp kết quả để lập Biên bản kiểm phiếu;

- e) Biên bản kiểm phiếu là văn bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu đối với ý kiến của cổ đông với các nội dung của cuộc họp, trong đó phải bao gồm các nội dung sau:
 - (i). Tên, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Các nội dung biểu quyết;
 - (iii). Số cổ đông tham dự đại hội đã biểu quyết trong đó nêu rõ số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ;
 - (iv). Tổng số phiếu và tỷ lệ phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng nội dung xin ý kiến của Đại hội.
 - (v). Các nội dung đã được thông qua, không được thông qua tại Đại hội;
 - (vi). Họ tên chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu hoặc đại diện Trưởng Ban kiểm phiếu nhưng phải đảm bảo các thành viên ban kiểm phiếu phải ký nháy vào từng trang của Biên bản.

Trường hợp Trưởng Ban kiểm phiếu từ chối ký Biên bản kiểm phiếu thì một trong các thành viên còn lại của Ban kiểm phiếu có trách nhiệm ký biên bản kiểm phiếu. Trường hợp toàn bộ các thành viên của Ban kiểm phiếu không đồng ý/từ chối ký biên bản kiểm phiếu thì Đại hội đồng cổ đông bầu một trong số các cổ đông dự họp ký biên bản kiểm phiếu và biên bản kiểm phiếu này có hiệu lực ngay từ thời điểm ký.

11. Công bố kết quả kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu được bầu theo khoản 10 Điều này có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
- b) Đối với các nội dung biểu quyết Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức công khai, chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu công bố công khai ngay sau khi tiến hành biểu quyết về nội dung đó;
- c) Đối với các nội dung Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín, Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện Ban kiểm phiếu công bố trước thời điểm bế mạc đại hội.

12. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (iii). Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - (iv). Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (v). Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - (vi). Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (vii). Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - (viii). Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix). Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Nếu tất cả các thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản họp, Đại hội đồng cổ đông cử một người trong số các cổ đông dự họp thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký biên bản họp và nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản

hợp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- c) Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp Biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- a) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- b) Chủ tọa cuộc họp là người ký ban hành các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại tiết (ix) mục a khoản 12 Điều 6 của Quy chế này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

Quy định về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến do Hội đồng quản trị Công ty quyết định nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và có các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến và các hình thức khác:

Quy định về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến và các hình thức khác do Hội đồng quản trị Công ty quyết định nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và có các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cách thức bỏ phiếu;
7. Cách thức kiểm phiếu;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
11. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ

đồng là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- d) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - e) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - f) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - g) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia kiểm phiếu, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua
- a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường

hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
- b) Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Công ty.
- c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
- d) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- e) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công

ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:
 - a) Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được cung cấp thông tin như sau:
 - (i). Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
 - (ii). Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo được thực hiện theo quyết định/quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.
3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 05 (năm) thành viên.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
5. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:

- (i). Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - (ii). Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành
- b) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- (i). Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - (ii). Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - (iii). Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định tại tiết (iv) điểm b khoản 5 Điều này.
 - (iv). Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- c) Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (i). Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - (ii). Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - (iii). Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - (iv). Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - (v). Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.
- e) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc.
- f) Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 12. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Các cổ đông phổ thông có thể hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc tập hợp thành nhóm cổ đông để thực hiện đề cử ứng cử phải được thông báo cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước khi thực hiện đề cử.

2. Việc đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

Các cổ đông phổ thông có quyền gộp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 50% đến 60% được quyền đề cử 04 ứng viên và nắm giữ từ 60% trở lên được quyền đề cử tối đa năm 05 ứng viên.

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu/đề cử bổ sung ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

- a) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
- b) Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo Công ty.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:
- a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm b và c, khoản 5 Điều 11 của Quy chế này;
 - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- (i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.
- d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - (ii) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- Trừ trường hợp quy định tại tiết (i) và tiết (ii) điểm d Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc nhận được đơn từ nhiệm, bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
2. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
3. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định sau:
 - Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử.
 - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.
 - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

- a) Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- c) Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- d) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- e) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- f) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu:

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 20. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

1. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
2. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
3. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Trong trường hợp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết.

Điều 21. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị/ người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị ngay tại cuộc họp
2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp có nhiệm vụ phải đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào chương trình họp nếu nội dung đó được toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị dự họp thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Việc từ chối đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào cuộc họp phải được nêu công khai tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 22. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 23. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
4. Trừ quy định tại khoản 5 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự cuộc họp có một (01) phiếu biểu quyết;
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Điều 24. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a khoản này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp Biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 25. Họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác

1. Hội đồng quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tiếp.
2. Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 26. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị/người triệu tập cuộc họp có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Thê thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 27. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Công ty.
2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết/Quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên biểu quyết tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết/Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên biểu quyết không tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện Nghị quyết nói trên theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 29. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc;
2. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác căn cứ nhu cầu của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03 người trong đó có ít nhất một thành viên là thành viên Hội đồng quản trị.
4. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban, thuộc

Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
6. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
7. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 30. Các đơn vị khác trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị được quyền thành lập các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc khác ngoài các tiểu ban quy định tại Điều 34 của Quy chế này và được phép ủy quyền cho các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc đó thực hiện một phần các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Hội đồng quản trị được quyền quyết định toàn bộ các vấn đề liên quan đến các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thành lập, quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, quyết định thu nhập đối với nhân sự làm việc tại các bộ phận này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thành lập bộ phận Văn phòng Hội đồng quản trị trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc Hội đồng quản trị; quyết định chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị, quyết định việc bổ nhiệm miễn nhiệm, điều động, phân công công việc, chính sách thù lao, thu nhập đối với các nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng quản trị.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.
2. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:
 - a) Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
 - b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty khi đa số (trên 1/2) số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị Công ty mới thay thế.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i). Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
 - (ii). Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - (iii). Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i). Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - (ii). Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - (iii). Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
4. Việc miễn nhiệm/ bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết (nếu có).

Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được thông báo và công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 34. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
2. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.
3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:
 - a) Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - (i) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - (ii) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - (iii) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:
 - (i) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
 - (ii) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - (iii) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 - (iv) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
 - (v) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
 - (vi) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- (vii) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - (viii) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - (ix) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
 - (x) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - (xi) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - (xii) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - (xiii) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - (xiv) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
 - (xv) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
 - (xvi) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - (xvii) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - (xviii) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - (xix) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - (xx) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - (xxi) Các Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên.

Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:
 - a) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
 - b) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - c) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - d) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - e) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
 - g) Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:
 - h) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - i) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 36. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.
2. Các cổ đông phổ thông có thể hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc tập hợp thành nhóm cổ đông để thực hiện đề cử ứng cử phải được thông báo cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước khi thực hiện đề cử.
3. Việc đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

Các cổ đông phổ thông có quyền hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 40% trở lên được quyền đề cử tối đa 03 ứng viên.

Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát đề cử. Việc Ban kiểm soát giới thiệu/đề cử bổ sung ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

- a) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
- b) Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo Công ty

Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:
 - a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - (i) Thành viên Ban kiểm soát không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 6 Điều 35 của Quy chế này;
 - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;
 - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - (iv) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Ban kiểm soát; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

Điều 39. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc nhận đơn từ nhiệm, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 40. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp

Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - f) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - g) Trình độ chuyên môn;
 - h) Quá trình công tác;
 - i) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của Công ty khác);
 - j) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
3. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định sau:
 - Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử.
 - Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.
 - Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Thù lao và lợi ích liên quan của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ

CHƯƠNG VII. GIÁM ĐỐC

Điều 43. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật;
 - c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;
 - d) Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Tốt nghiệp đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
4. Ứng cử, đề cử Giám đốc
Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử các ứng viên đủ điều kiện và phù hợp giữ chức vụ Giám đốc theo quy định của pháp luật.
5. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;
Hội đồng quản trị thông qua quyết định bổ nhiệm Giám đốc theo phương thức biểu quyết tại cuộc họp theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

Việc ký kết Hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, đảm bảo điều kiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện. Hợp đồng trong đó quy định tiền lương và lợi ích khác.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc.
 - a) Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - (i). Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;
 - (ii). Có đơn xin nghỉ việc;
 - (iii). Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - b) Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i). Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - (ii). Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - (iii). Các trường hợp khác theo quy định của Công ty và pháp luậtHội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
8. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.
 - a) Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
 - b) Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 45. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, vì sự phát triển Công ty.
2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động kinh doanh.

Điều 46. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tạo điều kiện để Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình.
2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với thành viên Ban Giám đốc để giải quyết kịp thời.
3. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, nếu Ban kiểm soát, Giám đốc phát hiện thấy có vấn đề bất lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Hội đồng quản trị biết để giải quyết.
4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khi cần thiết sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị Công ty để phục vụ công tác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Đối với công tác tổ chức các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Trưởng Ban kiểm soát hoặc chủ tọa cuộc họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời một hoặc một số thành viên Ban Giám đốc và/hoặc người quản lý khác phụ trách các mảng công việc có liên quan dự họp và tham gia đóng góp ý kiến (nếu có).
6. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
7. Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
8. Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nếu nhận thấy quyết định này trái pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bằng văn bản. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc/và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để trực tiếp theo dõi và có biện pháp xử lý.
9. Phối hợp khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, các hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Công ty. Việc

tham gia các khóa học, khảo sát, hội thảo của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

Điều 47. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc:
 - a) Cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc đồng thời là cuộc họp hàng quý của Hội đồng quản trị. Nội dung họp định kỳ có thể kết hợp với các nội dung họp bất thường để xem xét trong cùng một cuộc họp.
 - b) Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty;
 - c) Hội đồng quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
 - d) Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định/quyết định của Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty;

Điều 48. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp Giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị:
 - a) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và người điều hành, quản lý doanh nghiệp khác, Giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - b) Các vấn đề khác được Giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát xác định là cần thiết đối với hoạt động của Công ty.
 - c) Những vấn đề Giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:
 - (i). Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - (ii). Các vấn đề mà quyền quyết định vượt ra khỏi phạm vi quyền hạn của Giám đốc;
 - (iii). Các vấn đề khác được Giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát xác định là cần thiết đối với hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
2. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng

quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Các nội dung cần xin ý kiến và tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị.

Điều 49. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

1. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng quản trị. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 50. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

Định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất, Hội đồng quản trị có thể kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện.

Điều 51. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ngay khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau.
 - a) Tài khoản của Công ty bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
 - b) Có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - c) Có quyết định khởi tố đối với người quản lý, người điều hành, người nội bộ Công ty; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.
 - d) Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc theo quy định của pháp luật.
2. Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác theo quy định của Công ty và pháp luật để gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

CHƯƠNG IX. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 52. Đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá
 - a) Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp cao khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:
 - Tự nhận xét, đánh giá;
 - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
 - Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
 - b) Đối với cán bộ quản lý khác, Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.
2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:
 - a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân, kết quả phát triển của đơn vị
 - b) Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, nội quy lao động, chủ trương, chính sách của Công ty và quy định pháp luật.
 - c) Năng lực cá nhân gồm kiến thức, trình độ chuyên môn, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, trình bày.
 - d) Năng lực quản lý, lãnh đạo gồm khả năng quản lý và vận hành hệ thống quy trình, khả năng đào tạo nhân viên, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thái độ chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.
 - e) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.
 - f) Đoàn kết, phối hợp trong và ngoài đơn vị, phối hợp nâng cao mối quan hệ hợp tác trong và ngoài Công ty.
 - g) Mức độ tín nhiệm của nhân viên cấp dưới và người lao động trong Công ty.
3. Thực hiện đánh giá hoạt động:
 - a) Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.
 - b) Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Giám đốc định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- c) Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động do Giám đốc quyết định.

Điều 53. Khen thưởng – Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế khen thưởng – kỷ luật.
2. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 49 của Quy chế này.

Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác được đánh giá có thành tích trong công tác quản lý hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 54. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Công ty phải xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
3. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

CHƯƠNG XI. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 55. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét và quyết định và phải được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

CHƯƠNG XII. HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 56. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm 12 chương, 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.
2. Các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty chưa được quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành trái với quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.

Quy chế này được lập thành 01 bản gốc và lưu trữ tại Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Chi

Số:/TTTr/2021/DBFC

Biên Hòa, ngày tháng năm 2021

Dự thảo:

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Sau thời gian được ban hành và áp dụng, trước sự thay đổi của hệ thống các văn bản pháp luật liên quan, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị theo nội dung trên cơ sở Quy chế mẫu của công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

(Gửi kèm Tờ trình này là toàn văn Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai xem xét và thông qua.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, TC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN CHI

Số:/TTTr/2021/DBFC

Biên Hòa, ngày tháng năm 2021

Dự thảo:

TỜ TRÌNH

***V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị,
Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát***

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Để tiến tới việc hoạt động theo xu hướng quản trị doanh nghiệp phù hợp với thông lệ quốc tế, cũng như tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai. Dự thảo các Quy chế được xây dựng trên cơ sở mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính.

(Gửi kèm Tờ trình này là toàn văn Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai xem xét và thông qua.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, PC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN CHI

DỰ THẢO



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐỐT ĐỒNG NAI**
Mã số: QC.QT.002

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

Chương I.....	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Các định nghĩa.....	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	5
Điều 3. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	5
Chương II	5
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	8
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	11
Chương III.....	11
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	13
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	14
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	15
Chương IV	15
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	15
Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	18
Điều 19. Thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	18
Chương V	19
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	19
Điều 20. Trình báo cáo hằng năm	19
Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan	20

Chương VI.....	20
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác	20
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 25. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành	21
Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	21
Chương VII	22
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	22
Điều 27. Hiệu lực thi hành	22

Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai thông qua theo Nghị quyết số/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2021.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các định nghĩa

1. Trong Quy chế này, trừ khi được quy định khác đi, các từ và thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. **“Quy chế”** có nghĩa là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
 - b. **“Công ty”** có nghĩa là Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
 - c. **“Cổ đông”** là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - d. **“Hội đồng quản trị”** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
 - e. **“Ban kiểm soát”** có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty;
 - f. **“Đại hội đồng cổ đông”** có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty;
 - g. **“Điều lệ Công ty”** có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua một cách hợp lệ;
 - h. **“Người quản lý Công ty”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
 - i. **“Người điều hành Công ty”** là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
 - j. **“Ban Giám đốc/Ban điều hành”** gồm Giám đốc và (các) Phó Giám đốc Công ty;
 - k. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - l. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - m. **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán trong các trường hợp sau:
 - Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- m. **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”** là (các) thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- n. **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”**: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
- Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế hoạt động này.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, các mối quan hệ công tác giữa các thành viên của Hội đồng quản trị trong phạm vi hoạt động nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và thưởng đối với công việc mình đảm nhiệm. Thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và/hoặc bất thường.
5. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một/một số lĩnh vực theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
6. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc đã được phân công tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và/hoặc khi được yêu cầu.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:

- f) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- 3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- 4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
- 5. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật.
- 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và

đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và/hoặc bất thường và các cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Giám đốc hoặc Cán bộ quản lý khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo cho cuộc họp đó;
 - d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f) Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;
 - g) Chỉ đạo, theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - h) Quyết định thành lập bộ phận Văn phòng Hội đồng quản trị trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc Hội đồng quản trị; quyết định chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị, quyết định việc bổ nhiệm miễn nhiệm, điều động, phân công công việc, chính sách thù lao, thu nhập đối với các nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng quản trị.
 - i) Đảm bảo việc trao đổi thông tin kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - j) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, đóng góp hiệu quả và thiết lập những mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Hội đồng quản trị;
 - k) Tuân thủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý, bao gồm trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và

bồi thường theo quy định tại Điều 164, Điều 165 Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật và theo ủy quyền/phân công của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
6. Khi xét thấy cần thiết Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị có thể bầu từ 01 (một) đến 02 (hai) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị tùy vào nhu cầu tại từng thời điểm.
 - a) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định/quyết định/phân công/ủy quyền của Hội đồng quản trị.
 - b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
 - c) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Các trường hợp quy định tại mục c Khoản 1 Điều này và các trường hợp khác quy định của pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp khác quy định của pháp luật.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trước khi đề cử;
 - b) Các cổ đông phổ thông có thể họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 50% đến 60% được quyền đề cử 04 ứng viên và nắm giữ từ 60% trở lên được quyền đề cử tối đa năm 05 ứng viên;

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội

đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty mà không phụ thuộc vào tỷ lệ biểu quyết. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo lợi ích Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty;
3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:
- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
 - Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc;
 - Kết quả giám sát đối với các người quản lý khác;
 - Các kế hoạch trong tương lai.
4. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
5. Để thực hiện công việc của mình, Hội đồng quản trị có thể thường xuyên hoặc theo vụ việc, sử dụng các chuyên gia, cố vấn, tư vấn bên ngoài đối với mỗi nhiệm vụ/công việc của mình nếu cần thiết.
6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- Các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua được ban hành dưới hình thức nghị quyết/quyết định.
7. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày

thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty. Trong trường hợp này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ

đồng có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban;
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

- d) Trong trường hợp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết.
5. Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị/ người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị ngay tại cuộc họp.
8. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
9. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
14. Biểu quyết:
 - a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền trực tiếp tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về vấn đề liên quan đến các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
15. Hội đồng quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tiếp.

Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật:

Địa điểm cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp tổ chức họp theo quy định tại khoản này do chủ tọa quyết định.
16. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trừ các trường hợp bất khả kháng và/hoặc khi bị ốm, đi công tác đột xuất... Trong trường hợp không thể trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm ủy quyền biểu quyết cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc tham dự cuộc họp theo các hình thức hợp lệ khác quy định tại Điều lệ Công ty.
17. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị/người triệu tập cuộc họp có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật.
3. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 19. Thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Công ty;
2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 1/2) số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua được ban hành dưới hình thức nghị quyết/quyết định.
3. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

- a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó. Trong trường hợp thời điểm hiệu lực không được thể hiện rõ trong nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, thời điểm có hiệu lực của nghị quyết, quyết định đó là thời điểm nghị quyết, quyết định được thông qua.
- b) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

- 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- 2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
- 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

1. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phối hợp trong công tác theo nguyên tắc sau:
 - a) Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty và đặt lợi ích Công ty lên ưu tiên trước nhất;
 - b) Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;
 - c) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch; và
 - d) Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích chung của Công ty.

Điều 24. Mỗi quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý.

Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. Tổng Giám đốc/các thành viên Ban điều hành có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các công việc theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và các quy chế nội bộ khác. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không phù hợp với pháp luật hiện hành thì Tổng Giám đốc/các thành viên Ban điều hành báo cáo Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;
2. Sau khi được Hội đồng quản trị thông qua các đề án, chủ trương theo thẩm quyền, được ký quyết định triển khai thực hiện, Tổng Giám đốc/các thành viên Ban điều hành có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định phân cấp được Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty đã ban hành.
3. Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Giám đốc/các thành viên Ban điều hành có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, sẽ kịp thời báo cáo bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Hội đồng quản trị để có biện pháp xử lý.
4. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham gia các buổi giao ban/buổi họp của Công ty.
5. Tổng Giám đốc/các thành viên Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về các cuộc khảo sát trong và ngoài nước, đàm phán ký kết hợp đồng có giá trị theo phân cấp của Công ty để Hội đồng quản trị dự, cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự hoặc mời luật sư tư vấn.

Điều 26. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và

độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương, 27 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.
2. Các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty chưa được quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành trái với quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.
3. Quy chế này được lập thành 01 bản gốc và lưu tại Công ty.
4. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật thì Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định sửa đổi.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Chi

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐỐT ĐỒNG NAI
Mã số: QC.QT.003

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

Chương I	4
QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Các định nghĩa.....	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	5
Điều 3. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	5
Chương II.....	5
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	5
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	8
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	8
Chương III	9
BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	9
Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	10
Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	11
Chương IV	11
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 16. Cuộc họp Ban kiểm soát.....	11
Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản.....	13
Điều 19. Thông qua các nghị quyết, quyết định của Ban kiểm soát.....	13
Chương V	13
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	14
Điều 20. Trình báo cáo hằng năm	14
Điều 21. Tiền lương và quyền lợi khác.....	14
Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan	15
Chương VI	15

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	15
Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác	15
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	15
Điều 25. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	16
Điều 26. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị	16
Chương VII.....	16
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16
Điều 27. Hiệu lực thi hành	16

Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai thông qua theo Nghị quyết số/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2021.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các định nghĩa

1. Trong Quy chế này, trừ khi được quy định khác đi, các từ và thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. **“Quy chế”** có nghĩa là Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
 - b. **“Công ty”** có nghĩa là Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
 - c. **“Cổ đông”** là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - d. **“Hội đồng quản trị”** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
 - e. **“Ban kiểm soát”** có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty;
 - f. **“Đại hội đồng cổ đông”** có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty;
 - g. **“Điều lệ Công ty”** có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua một cách hợp lệ;
 - h. **“Người quản lý Công ty”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
 - i. **“Người điều hành Công ty”** là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
 - j. **“Ban Giám đốc/Ban điều hành”** gồm Giám đốc và (các) Phó Giám đốc Công ty;
 - k. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - l. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - m. **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán trong các trường hợp sau:
 - Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- m. **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”** là (các) thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- n. **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”**: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
- Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế hoạt động này.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan..
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 3. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
2. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
5. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, (Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông có quyền hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 40% trở lên được quyền đề cử tối đa 03 ứng viên
 - b) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có

quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Ban kiểm soát; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát;
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Biểu quyết:
 - a) Mỗi thành viên Ban kiểm soát hoặc người được thành viên Ban kiểm soát uỷ quyền trực tiếp tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết;

- b) Thành viên Ban kiểm soát không được biểu quyết về vấn đề liên quan đến các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
- 4. Ban kiểm soát quyết định tổ chức cuộc họp Ban kiểm soát theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Ban kiểm soát theo hình thức trực tiếp.

Thê thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Ban kiểm soát theo quy định tại khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Ban kiểm soát và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Ban kiểm soát quyết định phù hợp với quy định của pháp luật:

Địa điểm cuộc họp Ban kiểm soát trong trường hợp tổ chức họp theo quy định tại khoản này do chủ tọa quyết định.
- 5. Thành viên Ban kiểm soát phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, trừ các trường hợp bất khả kháng và/hoặc khi bị ốm, đi công tác đột xuất... Trong trường hợp không thể trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm ủy quyền biểu quyết cho thành viên Ban kiểm soát khác hoặc tham dự cuộc họp theo các hình thức họp lệ khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 6. Nghị quyết, quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát

- 1. Các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban kiểm soát tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp và Ban kiểm soát cử một thành viên Ban kiểm soát ký ban hành Nghị quyết/quyết định Ban kiểm soát.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Ban kiểm soát.
4. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản

1. Trưởng Ban kiểm soát/người triệu tập cuộc họp có quyền lấy ý kiến các thành viên Ban kiểm soát để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Thẻ thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc lấy ý kiến Ban kiểm soát bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này do Ban kiểm soát quyết định phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật.
3. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Ban kiểm soát.

Điều 19. Thông qua các nghị quyết, quyết định của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thông qua nghị quyết, quyết định biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Công ty;
2. Nghị quyết, quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số (trên 1/2) số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát. Các nội dung đã được Ban kiểm soát thông qua được ban hành dưới hình thức nghị quyết/quyết định.
3. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Ban kiểm soát:
 - a) Nghị quyết, quyết định của Ban kiểm soát có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó. Trong trường hợp thời điểm hiệu lực không được thể hiện rõ trong nghị quyết, quyết định của Ban kiểm soát, thời điểm có hiệu lực của nghị quyết, quyết định đó là thời điểm nghị quyết, quyết định được thông qua.
 - b) Trường hợp thành viên Ban kiểm soát yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 21. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

1. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát phối hợp trong công tác theo nguyên tắc sau:
 - a) Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty và đặt lợi ích Công ty lên ưu tiên trước nhất;
 - b) Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;
 - c) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch; và
 - d) Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích chung của Công ty.

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 25. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 26. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương, 27 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.
2. Các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty chưa được quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty sẽ do Ban kiểm soát quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Ban kiểm soát ban hành trái với quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.
3. Quy chế này được lập thành 01 bản gốc và lưu tại Công ty.
4. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật thì Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định sửa đổi.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban kiểm soát

...

**CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD
VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

Số: .../TTTr/2021/DBFC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2021

Dự thảo:

TỜ TRÌNH

Về việc: Miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
- Căn cứ vào Đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Võ Trường Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Võ Trường Sơn nhiệm kỳ 2019 - 2024;
2. Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2023 để đảm bảo quy định về số lượng thành viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Kính trình./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Chi

Số:/2021/NQ – ĐHĐCĐ

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO:

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai mã số doanh nghiệp 3600661303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06/01/2004, thay đổi lần thứ 17 ngày 13/07/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20/05/2021 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.031,815
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	90,721
3	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	54,035
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	21,679
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	17,211
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	11,691

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2021
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.806,792
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	205,556
3	Gas chất đốt	Tấn	500
4	Dầu nhờn	Lít	465,000
5	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	70,349
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	30,987
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	24,789

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành Công ty

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua Tờ trình thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021.

Thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2020 là: 1.218.000.000 đồng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020.

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	17.211.860.700

II	Trích lập các quỹ	
1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành (4%)	688.474.428
III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	16.523.386.272
IV	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020	0%

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	24.789.742.078 đồng
II	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	5 % lợi nhuận sau thuế năm 2021.
III	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021	0%

Điều 7: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2021

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021

Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát như sau và giao cho Giám đốc ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9: Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán (HNX/HOSE).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 10: Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 11: Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 12: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 13: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 14: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị.

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 15: Thông qua Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Đại hội đã bầu được thành viên Hội đồng quản trị với kết quả như sau:

1. Ông/Bà ...

Điều 16: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/05/2021. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Các TV HĐQT; BKS;
- Ban GD;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

**NGUYỄN VĂN CHI
CHỦ TỊCH HĐQT**